Phần I
TỔNG HỢP MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA, VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Mục đích, ý nghĩa

Từ thực tiễn triển khai đánh giá, công nhận, xây dựng xã, phường, thị trấn (cấp xã) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong thời gian qua cho thấy, đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng đối với công tác quản lý nhà nước, nhất là tại cơ sở trong khi Đảng, Nhà nước đang chủ trương xây dựng Chính phủ kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động và nền hành chính hiện đại, phục vụ Nhân dân.

Có thể nhận thấy mục đích và ý nghĩa của việc xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ở một số điểm như sau:

a) Nâng cao nhận thức pháp luật, giáo dục ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền được thông tin về pháp luật; kịp thời tháo gỡ mâu thuẫn, tranh chấp, vướng mắc, kiến nghị trong thi hành pháp luật trên địa bàn cấp xã.

b) Tổ chức và bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thi hành Hiến pháp, pháp luật, quản lý nhà nước và xã hội bằng pháp luật. Qua việc tổ chức đánh giá, công nhận và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm bắt thực trạng, đề xuất giải pháp khắc phục hạn chế, tồn tại trong quản lý, tổ chức thực hiện các tiêu chí và chỉ tiêu tiếp cận pháp luật. Kết quả chấm điểm, đánh giá các tiêu chí tiếp cận pháp luật chính là kết quả việc thực hiện nhiệm vụ của cấp xã trên các lĩnh vực: Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật; thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở và thực hiện dân chủ ở cơ sở. Từ đó, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức cấp xã trong thực thi công vụ.

c) Cải thiện điều kiện tiếp cận thông tin pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Hiến pháp năm 2013 quy định: công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với các cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân.

d) Là một nội dung thành phần trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020[1] (Đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho

[1] Ban hành kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ

người dân) và là tiêu chí thành phần của Bộ Tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới[2] (Tiêu chí 18.5[3]: Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định), việc xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật sẽ góp phần góp phần xây dựng nông thôn mới, cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa pháp lý của người dân khu vực nông thôn.

2. Vị trí, vai trò

Nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật có vị trí, vai trò quan trọng đối với quản lý nhà nước, quản lý xã hội, trong đó có xây dựng nông thôn mới.

Trước hết, đối với quản lý nhà nước và chỉ đạo triển khai nhiệm vụ của cơ sở, xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật có tác động trực tiếp đến hoạt động của chính quyền các cấp, nhất là cấp xã. Việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật sẽ giúp chính quyền cấp xã thấy được những tồn tại, hạn chế trong chỉ đạo, điều hành, triển khai các nhiệm vụ chuyên môn để có giải pháp khắc phục, thực hiện đạt kết quả tốt hơn. Qua đánh giá, công nhận, xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật còn góp phần tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước, thực thi nhiệm vụ chuyên môn của chính quyền cấp xã; nâng cao ý thức trách nhiệm, hiệu quả thực thi công vụ của cán bộ,công chức cấp xã; đồng thời đề xuất, kiến nghị hoàn thiện thể chế, chính sách về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, cũng như công tác thi hành pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

Đối với quản lý xã hội, nội dung của các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật đều có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các tổ chức, cá nhân trong xã hội. Việc chấm điểm, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu chính là chấm điểm, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền và phạm vi của chính quyền và cán bộ, công chức cấp xã (có nhiệm vụ mang tính quản lý, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện trực tiếp…). Qua thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật và xây dựng, đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, các tổ chức, cá nhân sẽ được bảo đảm thực hiện quyền của mình, nhất là các nhóm quyền như: Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội; thực hiện đúng pháp luật giải quyết khiếu nại, tố cáo; quyền tiếp cận thông tin pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật; bảo đảm giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cấp xã đúng quy định; được giải quyết các tranh chấp, mẫu thuẫn thông qua hòa giải ở cơ sở; tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội và phát huy dân chủ ở cơ sở…

[2] Ban hành kèm theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ

[3] Trên địa bàn Thành phố là tiêu chí thành phần 18.6 trong Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020 quy định tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố: số 6182/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 và số 5039/QĐ-UBND ngày 09/11/2018)

Việc bổ sung "xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật" là tiêu chí thành phần của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 đã khẳng định rõ vị trí, vai trò quan trọng của nhiệm vụ này nói riêng và pháp luật nói chung trong xây dựng nông thôn mới và thực hiện chủ trương "*Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn…xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao…*" của Đảng và Nhà nước ta[4]; giữ vững mục tiêu bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội khu vực nông thôn, đồng thời có biện pháp hạn chế tiêu cực, tệ nạn xã hội; giải quyết có hiệu quả, kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp trên địa bàn dân cư.

II. MỘT SỐ KINH NGHIỆM TRONG THỰC TIỄN XÂY DỰNG CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Một là, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của cấp uỷ Đảng, sự chủ động trong hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL của các Bộ, ngành, địa phương là yếu tố quan trọng cho thành công của nhiệm vụ này.

Hai là, cần chú trọng công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; nghiên cứu lý luận, sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm, kịp thời phát hiện những bất cập trong thể chế, chính sách để đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bảo đảm thực hiện có hiệu lực, hiệu quả.

Ba là, tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; động viên, khen thưởng kịp thời đối với những tập thể được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tập thể, cá nhân có thành tích trong xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; phát hiện các mô hình, cách làm hiệu quả trong thực tiễn để rút kinh nghiệm, nhân ra diện rộng.

Bốn là, tăng cường tính chủ động của cơ quan Tư pháp các cấp; sự phối hợp của các Bộ, ngành, địa phương; phát huy vai trò của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật trong tư vấn, tham mưu việc đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bảo đảm việc đánh giá, công nhận khách quan, đúng pháp luật; kịp thời khắc phục những khó khăn trong thực hiện những tiêu chí chưa đạt được.

Năm là, bảo đảm nguồn lực cán bộ, kinh phí cho việc thực hiện hoạt động theo dõi, đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đồng thời tăng cường năng lực, tập huấn kỹ năng cho đội ngũ công chức được giao theo dõi, tham mưu thực hiện nhiệm vụ này. Chú trọng gắn kết việc đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật với đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới và phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh; đảng bộ, chính

[4] Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

quyền cấp xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"; là tiêu chí đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm của chính quyền cấp xã.

III. HOÀN THIỆN THỂ CHẾ VỀ XÂY DỰNG CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Sự cần thiết ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

1.1. Cơ sở thực tiễn

Sau 03 năm thực hiện Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở (viết tắt là Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg) và 02 năm triển khai làm thử đánh giá, công nhận địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại tỉnh Cà Mau, Điện Biên, Thái Bình, Quảng Bình và Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là các địa phương làm thử) đã đạt được những kết quả quan trọng. Bộ Tư pháp, chính quyền địa phương các cấp đã chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai nhiệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; bổ sung nhiệm vụ này trong Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cũng như Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp; bổ sung các nội dung chi, mức chi về tiếp cận pháp luật trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Bộ Tư pháp đã biên soạn tài liệu, tổ chức tập huấn nghiệp vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho lãnh đạo, công chức trực tiếp được giao triển khai nhiệm vụ này; quán triệt, phổ biến về vị trí, vai trò và nội dung của Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg bằng nhiều hình thức. Bộ Tư pháp và 5 địa phương làm thử đã tổ chức đánh giá, công nhận địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tổ chức kiểm tra, khảo sát, tọa đàm, tổng kết việc thực hiện. Kết quả cho thấy, Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ban hành là thực sự cần thiết, dù mới triển khai thực hiện nhưng đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở, tăng cường trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ, đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở, nhất là tại các địa phương làm thử. Chính vì vậy, theo đề xuất của Bộ Tư pháp, Thủ tướng Chính phủ đã bổ sung nhiệm vụ đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

Về kết quả đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2014 và 2015 tại các tỉnh, thành phố triển khai làm thử: (1) Tỉnh Cà Mau: năm 2014 có 61/101 cấp xã và 4/9 cấp huyện đạt chuẩn; năm 2015 có 87/101 cấp xã, 7/9

cấp huyện đạt chuẩn; 09 cấp xã và 01 cấp huyện đạt tiêu biểu; (2) Tỉnh Điện Biên: năm 2014 có 39/130 cấp xã và 3/10 cấp huyện đạt chuẩn; năm 2015 có 48/130 cấp xã và 3/10 cấp huyện đạt chuẩn; 08 cấp xã đạt tiêu biểu; (3)Tỉnh Thái Bình: năm 2014 và năm 2015 đều có 115/286 cấp xã và 1/8 cấp huyện đạt chuẩn; 16 cấp xã và 01 cấp huyện đạt tiêu biểu; (4)Tỉnh Quảng Bình: năm 2014 có 64/159 cấp xã và 1/8 cấp huyện đạt chuẩn; năm 2015 có 108/159 cấp xã và 3/8 cấp huyện đạt chuẩn; 08 cấp xã đạt tiêu biểu; (5) TP. Hồ Chí Minh: năm 2015 có 315/319 đơn vị cấp xã và 24/24 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn.

Sau 02 triển khai làm thử, năm 2016 một số địa phương vẫn tiếp tục triển khai rà soát, đánh giá với mục đích duy trì kết quả đạt chuẩn, khắc phục hạn chế của các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật. Ngoài ra, một số địa phương khác cũng chủ động triển khai làm thử việc đánh giá, công nhận địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật như Long An, Hà Nam… hoặc hằng năm đều tiến hành rà soát, đánh giá mức độ đạt được của các tiêu chí tiếp cận pháp luật, qua đó đánh giá tình hình và thực trạng triển khai các nhiệm vụ đã được thể chế trong các tiêu chí, chỉ tiêu đó để có giải pháp thực hiện cho phù hợp với thực tế.

Bên cạnh kết quả đạt được, thực tiễn thực hiện Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg cho thấy vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể như sau:

Thứ nhất, một số quy định trong Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg, đặc biệt là nội dung của các tiêu chí tiếp cận pháp luật, quy trình, thời hạn đánh giá, công nhận địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật còn chưa phù hợp, khả thi. Thẩm quyền đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật còn phức tạp, nhiều chủ thể tham gia, dễ dẫn đến tình trạng dồn việc cho cấp trên. Thời gian đánh giá chưa phù hợp, chưa thống nhất với mốc thống kê, báo cáo kết quả theo năm kinh tế - xã hội; chưa gắn kết trong tổng thể các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh của địa phương, trong đó có xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh.

Thứ hai, cơ chế đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ở cả ba cấp tỉnh, huyện, xã rất phức tạp, chưa huy động, bảo đảm sự tham gia, giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội…

Thứ ba, nhiệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật mặc dù đã được xác định là nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương, nhất là bộ, ngành có chức năng, phạm vi quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí theo Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg, nhưng thực tế, các bộ, ngành chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình, chưa chủ động phối hợp với Bộ Tư pháp để tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao. Chỉ có một số ít các địa phương không thuộc diện làm thử triển khai nhiệm vụ này. Việc đề xuất và tổ chức thực hiện các giải pháp sau mỗi kỳ đánh giá chưa được địa phương quan tâm, coi trọng.

Thứ tư, nhiều địa phương chưa chuẩn bị nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Tại các địa phương triển khai làm thử chưa bố trí thêm biên chế, kinh phí thực hiện mà kinh phí chủ yếu được trích từ nguồn kinh phí thường xuyên của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Thứ năm, với phạm vi triển khai làm thử ở một số ít địa phương và thực hiện trong thời gian ngắn dẫn đến chưa đánh giá một cách toàn diện nhiệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Hiệu quả so với yêu cầu chưa cao, có nơi, có lúc còn hình thức, thiếu thực chất.

Tồn tại, hạn chế trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Ngoài những nguyên nhân do một số bộ, ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; công tác chỉ đạo chưa sát sao…, còn có một nguyên nhân quan trọng từ sự chưa hoàn thiện của thể chế về xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Một số nội dung trong Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg chưa thống nhất, cập nhật với chính sách, quy định mới trong Hiến pháp năm 2013 và các luật có liên quan trực tiếp đến các tiêu chí tiếp cận pháp luật (như: Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013, Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật tiếp cận thông tin năm 2016…). Một số tiêu chí tiếp cận pháp luật còn quá rộng, nội hàm chưa rõ; có chỉ tiêu đến nay đã lạc hậu, nặng về định tính, không còn phù hợp với thực tiễn hoặc không rõ mục tiêu cụ thể để các địa phương tiếp tục phấn đấu đạt được. Giữa các quy định về thời gian khen thưởng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật với quy định của pháp luật về thi đua - khen thưởng chưa đồng bộ, còn có mâu thuẫn. Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg chưa quy định việc đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức về thực hiện nhiệm vụ công vụ của cán bộ, công chức nên dễ nảy sinh tình trạng chưa khách quan, thiếu minh bạch trong đánh giá.

1.2. Cơ sở chính trị, pháp lý

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đã xác định rõ: "*Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật*…" [5]. Đồng thời, Đảng ta chủ trương: "*Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân*"; "*tiếp tục thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân*"[6].

Hiến pháp năm 2013 ghi nhận: Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ (Điều 8); công dân có quyền tiếp cận thông tin (Điều 25). Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, Luật tổ chức chính

[5] Trang 126, 127 Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Văn phòng Trung ương Đảng, năm 2016.
[6] Trang 38, 169 Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Văn phòng Trung ương Đảng, năm 2016.

quyền địa phương năm 2015, Luật tiếp cận thông tin năm 2016 đều xác định quan điểm tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật; tăng cường tiếp cận thông tin; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Để thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và nguyên tắc Hiến định này, cần phải hoàn thiện thể chế về tiếp cận pháp luật. Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2016 đã giao Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thay thế Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg. Tại Công văn số 6135/VPCP-PL ngày 25/7/2016 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Trương Hòa Bình đã giao "*Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg*". Ngày 16/8/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1600/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020, trong đó, tại nội dung thành phần thứ 9, Quyết định đã giao Bộ Tư pháp "*Chủ trì, hướng dẫn việc đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân*".

Bên cạnh đó, việc hoàn thiện thể chế về xây dựng địa phương tiếp cận pháp luật còn nhằm thể chế hóa và thực thi Chương trình Nghị sự toàn cầu về phát triển đến năm 2030 của Liên hiệp quốc. Chương trình đã xác định cần: "*đảm bảo tiếp cận rộng rãi thông tin (trong đó có thông tin pháp luật) và bảo vệ các quyền tự do cơ bản, phù hợp với luật pháp quốc gia và các hiệp định quốc tế*" (mục tiêu thứ 16).

Như vậy, việc nghiên cứu, tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (thay thế Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg) có đủ cơ sở chính trị - pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã phân tích trên đây. Quyết định được ban hành không chỉ tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ, hiệu quả triển khai nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; nâng cao trách nhiệm, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật ở cơ sở; nâng cao nhận thức pháp luật, ý thức chấp hành, tuân thủ pháp luật của người dân mà còn bảo đảm quyền con người, quyền công dân theo Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Hiến pháp năm 2013 và cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Ngày 08/5/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 619/QĐ-TTg ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Quyết định số 619/QĐ-TTg) và Quyết định số 14/2017/QĐ-TTg bãi bỏ Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg. Các quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/5/2017.

Các văn bản hướng dẫn thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

- Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

- Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ Tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

- Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc Hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

- Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện hiệu quả, bền vững Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

- Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 31/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

- Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2017 của Quốc Hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

- Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

- Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2017 của Ban chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020.

- Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

- Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

- Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Các văn bản liên quan đến thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật và xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Nội dung của các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật có liên quan đến việc triển khai các nhiệm vụ và thực thi rất nhiều luật, văn bản pháp luật, như:

- Tiêu chí 1: Hiến pháp, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Công an nhân dân, Bộ luật hình sự, Luật phòng chống mại dâm, ma túy…

- Tiêu chí 2: Các luật, văn bản pháp luật quy định về thủ tục hành chính và trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã, như Luật Hộ tịch, Luật Đất đai, Luật Hôn nhân và gia đình…

- Tiêu chí 3: Luật tiếp cận thông tin, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Luật tổ chức chính quyền địa phương…

- Tiêu chí 4: Luật Hòa giải ở cơ sở, Bộ luật tố tụng dân sự…

- Tiêu chí 5: Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn; các văn bản, chính sách về thực hiện dân chủ ở cơ sở…

2. Quan điểm chỉ đạo trong xây dựng và triển khai Quy định về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

2.1. Quán triệt và thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, quan điểm của Hiến pháp năm 2013, các luật có liên quan đến quyền con người, quyền công dân; xây dựng chính quyền cấp xã trong sạch, vững mạnh toàn diện, gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, hiện đại; đặt trong tổng thể chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ quốc phòng, an ninh.

2.2. Kế thừa các quy định còn phù hợp của Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg; khắc phục tồn tại, hạn chế đã được nhận diện từ thực tiễn triển khai làm thử; bổ sung những quy định mới cho phù hợp với thực tiễn và thực sự chín muồi.

2.3. Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, mọi nguồn lực trong xã hội tham gia xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; lấy người dân làm trung tâm; bảo đảm thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm.

3. Tổng quan nội dung của Quy định về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Ngày 08/5/2017, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 619/QĐ-TTg ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Đối với xã, nhiệm vụ này sẽ được triển khai gắn kết với xây dựng nông thôn mới do tiêu chí xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là một tiêu chí thành phần của Bộ Tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (tiêu chí thành phần 18.5[7] thuộc Tiêu chí 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật).

Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gồm có 10 điều: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1); Mục tiêu (Điều 2); Nguyên tắc thực hiện (Điều 3); Nội dung xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Điều 4); Các tiêu chí tiếp cận pháp luật (Điều 5); Điều kiện, thẩm quyền công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Điều 6); Quy trình đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Điều 7); Niêm yết kết quả đánh giá, công bố cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Điều 8); Kinh phí xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Điều 9); Tổ chức thực hiện (Điều 10).

3.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bao gồm các tiêu chí tiếp cận pháp luật, nội dung xây dựng, thẩm quyền, quy trình và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

b) Đối tượng áp dụng

- Xã, phường, thị trấn (cấp xã): Đây vừa là đối tượng đánh giá (thông qua việc tự đánh giá và việc xem xét, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cơ quan có thẩm quyền), vừa là chủ thể có nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (thông qua chỉ đạo, quản lý, thực hiện các hoạt động đã được xác định thành nội dung của các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật).

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Đây là những chủ thể tham gia chỉ đạo, quản lý như: Bộ Tư pháp, các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, công chức Tư pháp – Hộ tịch, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên của Mặt trận các cấp…; tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo chính sách xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

[7] Trên địa bàn Thành phố là tiêu chí thành phần 18.6 trong Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020 quy định tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố: số 6182/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 và số 5039/QĐ-UBND ngày 09/11/2018)

3.2. Mục tiêu xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được triển khai thực hiện nhằm các mục tiêu sau:

a) Nâng cao nhận thức pháp luật, giáo dục ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền được thông tin về pháp luật; kịp thời tháo gỡ mâu thuẫn, tranh chấp, vướng mắc, kiến nghị trong thi hành pháp luật trên địa bàn cấp xã.

b) Tổ chức và bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thi hành Hiến pháp, pháp luật, quản lý nhà nước và xã hội bằng pháp luật; nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức cấp xã trong thực thi công vụ.

c) Cải thiện điều kiện tiếp cận thông tin pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Ngoài ra, trong tổng thể các hoạt động xây dựng nông thôn mới, việc xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật còn góp phần thúc đẩy, thực hiện toàn diện mục tiêu xây dựng nông thôn mới, cụ thể là xây dựng xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, an ninh, trật tự được giữ vững; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

3.3. Nguyên tắc thực hiện

Việc triển khai xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch.

b) Xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị, gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh của địa phương.

c) Kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là tiêu chí đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới và phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh; đảng bộ, chính quyền cấp xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"; là tiêu chí đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm của chính quyền cấp xã.

3.4. Nội dung xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Nội dung xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bao gồm:

a) Xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật; kế hoạch triển khai, thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

b) Tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, chính quyền các cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân về vị trí, vai trò, ý nghĩa của xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

c) Rà soát, đánh giá việc thực hiện tiêu chí tiếp cận pháp luật; công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề ra giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, cải thiện khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

đ) Lồng ghép xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong chương trình, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh và xóa đói, giảm nghèo.

e) Sơ kết, tổng kết, thống kê, báo cáo, theo dõi kết quả, kiểm tra, khen thưởng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

3.5. Các tiêu chí tiếp cận pháp luật

Quy định có 05 tiêu chí tiếp cận pháp luật, 25 chỉ tiêu với tổng số 100 điểm, gồm: (1) Tiêu chí 1. Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật (15 điểm); (2) Tiêu chí 2. Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã (30 điểm); (3) Tiêu chí 3. Phổ biến, giáo dục pháp luật (25 điểm); (4) Tiêu chí 4. Hòa giải ở cơ sở (10 điểm) và (5) Tiêu chí 5. Thực hiện dân chủ ở cơ sở (20 điểm).

3.6. Điều kiện công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Để được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, cấp xã phải đáp ứng đủ các điều kiện: (1) Không có tiêu chí nào dưới 50% số điểm tối đa; (2) Tổng số điểm của các tiêu chí tiếp cận pháp luật phải đạt từ 90% số điểm tối đa trở lên đối với cấp xã loại I, từ 80% số điểm tối đa trở lên đối với cấp xã loại II và từ 70% số điểm tối đa trở lên đối với cấp xã loại III; (3) Kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đạt từ 80% tổng số điểm tối đa trở lên; (4) Trong năm không có cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ cảnh cáo trở lên do vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra.

3.7. Thẩm quyền công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật để tư vấn việc đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Việc rà soát, đánh giá, chấm điểm, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được tiến hành hằng năm, tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12.

3.8. Quy trình đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được hướng dẫn cụ thể tại Phần II (Hướng dẫn nghiệp vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật).

3.9. Tổ chức thực hiện

Quy định giao Bộ Tư pháp trách nhiệm tham mưu, giúp Thủ tướng Chính phủ triển khai xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, thống kê, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật liên quan đến phạm vi quản lý. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho thành viên, hội viên; giám sát, phản biện xã hội, vận động thành viên, hội viên tham gia xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; giám sát kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính; phối hợp với cơ quan tư pháp cùng cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện Quy định.

Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo, hướng dẫn triển khai xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương, phân công cơ quan chuyên môn và công chức làm đầu mối theo dõi, tham mưu thực hiện; bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; định kỳ, đột xuất báo cáo kết quả với cơ quan có thẩm quyền.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quy định. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, hướng dẫn công chức chuyên môn triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; chỉ đạo Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả việc xử lý, tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch là đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Quy định.

Bên cạnh đó, Quy định còn đề cập đến việc niêm yết kết quả đánh giá, công bố cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; kinh phí xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

4. Một số điểm mới về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

So với Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg, Quy định về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 619/QĐ-TTg có một số điểm mới cơ bản như sau:

Thứ nhất, Quy định đã thu hẹp đối tượng đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Thay vì đánh giá đối với cả 03 cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã Quy định chỉ tập trung đánh giá cấp xã để bảo đảm tính khả thi, thực chất vì các địa phương mới triển khai nhiệm vụ này, chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn nên việc thực hiện rộng rãi sẽ gây khó khăn, lúng túng . Bên cạnh đó, việc tập

trung đánh giá cấp xã cũng để đảm bảo gắn kết, thống nhất với xây dựng, đánh giá xã đạt nông thôn mới.

Thứ hai, nâng cao vị trí, vai trò của xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh của địa phương, trong đó gắn kết giữa xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật với xây dựng nông thôn mới; đánh giá đô thị văn minh; đảng bộ, chính quyền cấp xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh" và thi đua, khen thưởng hằng năm của chính quyền cấp xã. Qua đó, bảo đảm việc đánh giá được toàn diện, thực chất.

Thứ ba, các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật được giảm bớt, tập trung vào các nội dung có liên quan đến tiếp cận pháp luật cho người dân. Theo đó, số lượng tiêu chí, chỉ tiêu đã giảm đáng kể, chỉ còn 05 tiêu chí (giảm 03 tiêu chí) và 25 chỉ tiêu (giảm 16 chỉ tiêu). Đặc biệt, để đảm bảo tính bền vững, ổn định của các tiêu chí tiếp cận pháp luật trong Quy định, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn, cụ thể hóa nội dung và điểm số các chỉ tiêu của các tiêu chí tiếp cận pháp luật.

Thứ tư, Không thực hiện phân loại cấp xã theo tiêu chí riêng như trước đây mà thống nhất tiêu chí phân loại cấp xã loại I, loại II, loại III để đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo tiêu chí chung về phân loại đơn vị hành chính cấp xã nhằm khắc phục tính trùng lắp, chồng chéo trong phân loại cấp xã theo quy định của Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg.

Thứ năm, thẩm quyền xem xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thay vì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg để bảo đảm việc đánh giá, công nhận được thực chất hơn và nâng cao trách nhiệm, vai trò của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thực hiện nhiệm vụ này, đồng thời giảm sự quá tải công việc cho cấp tỉnh.

Thứ sáu, việc đánh giá, công nhận cấp xã tiếp cận pháp luật được tiến hành hằng hàng năm căn cứ kết quả đạt được theo năm kinh tế - xã hội, tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 của năm đánh giá, khác với thời hạn đánh giá theo Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg là tính từ ngày 01/07 của năm trước đến ngày 30/6 của năm đánh giá. Thời hạn công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trước ngày 25/01 của năm liền kề sau năm đánh giá, còn theo Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg thời hạn này là nhân dịp Ngày Pháp luật Việt Nam 9/11 của năm đánh giá.

Thứ bảy, Quyết định số 619/QĐ-TTg quy định chỉ thành lập Hội đồng ở cấp huyện để tư vấn, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức việc đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, khác với Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg quy định thành lập Hội đồng ở cả 03 cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Quy định

này xuất phát từ việc thu hẹp đối tượng đánh giá (chỉ còn cấp xã) và điều chỉnh thẩm quyền công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho cấp huyện.

Thứ tám, Quyết định số 619/QĐ-TTg quy định một điểm mới nữa là đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng và thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cấp xã nhằm tăng tính khách quan, minh bạch trong đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Phần II
HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

A- CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TIÊU CHÍ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Mục đích, ý nghĩa của các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật

Ngày 08/5/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 619/QĐ-TTg ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (sau đây gọi là Quyết định số 619/QĐ-TTg). Quy định được ban hành trên cơ sở kế thừa, tiếp thu có chọn lọc những nội dung còn hợp lý, khả thi trong Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg và bổ sung những quy định phù hợp với giai đoạn hiện nay. Theo Quy định, việc xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện dựa trên 05 tiêu chí thành phần và 35 chỉ tiêu với tổng số điểm là 100 điểm. Thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 619/QĐ-TTg, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 hướng dẫn điểm số, cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (sau đây gọi là Thông tư số 07/2017/TT-BTP).

1.1. Các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật là tiêu chuẩn được sử dụng để đánh giá chất lượng xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bảo đảm cho tổ chức, cá nhân tiếp cận pháp luật và là cơ sở để xem xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được hiểu là việc chính quyền cấp xã đáp ứng đủ các điều kiện trong việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật nêu trên. Theo đó, cấp xã đủ điều kiện xét, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi đáp ứng đầy đủ 04 điều kiện sau: (1) Không có tiêu chí nào dưới 50% số điểm tối đa; (2) Tổng số điểm của các tiêu chí tiếp cận pháp luật phải đạt tỷ lệ % nhất định tương ứng với từng đơn vị cấp xã loại I, loại II, loại III; (3) Kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đạt từ 80% tổng số điểm tối đa trở lên và (4) Trong năm không có cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ cảnh cáo trở lên do vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra.

1.2. Việc ban hành, áp dụng các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật nhằm hướng đến việc nâng cao nhận thức pháp luật, giáo dục ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền được thông tin về pháp luật; kịp thời tháo gỡ mâu thuẫn, tranh chấp, vướng mắc, kiến nghị trong thi hành pháp luật trên địa bàn cấp xã; tổ chức và bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thi hành Hiến pháp, pháp luật, quản lý nhà nước và xã hội bằng pháp luật; nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức cấp xã trong thực thi công vụ, nâng cao năng lực quản lý nhà nước, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức đặc biệt tại chính quyền cấp cơ sở. Bên cạnh đó, việc áp dụng các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật còn để cải thiện điều kiện tiếp cận thông tin pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật tại xã, phường, thị trấn

Để triển khai nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, trên cơ sở tham mưu, đề xuất của công chức Tư pháp – Hộ tịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công cho từng công chức chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá, chấm điểm đối với từng chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo tất cả các chỉ tiêu, tiêu chí đều có đầu mối theo dõi, đánh giá, chấm điểm theo gợi ý sau (căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn và văn bản có liên quan):

2.1. Công chức Tư pháp – Hộ tịch chủ trì, theo dõi chỉ tiêu 3, 5 của tiêu chí 2; chỉ tiêu 3, 4, 5, 6, 7, 8 của tiêu chí 3; chỉ tiêu 1, 2 của tiêu chí 4;

2.2. Công chức Văn phòng – Thống kê chủ trì, theo dõi chỉ tiêu 1, 3 của tiêu chí 1; chỉ tiêu 1, 2, 4 của tiêu chí 2; chỉ tiêu 1, 2 của tiêu chí 3 và tiêu chí 5; phối hợp với Trưởng công an xã theo dõi chỉ tiêu 2 của tiêu chí 1; phối hợp với công chức Tư pháp – Hộ tịch theo dõi chỉ tiêu 3, 5 của tiêu chí 2 và chỉ tiêu 6, 7 của tiêu chí 3;

2.3. Công chức Địa chính – Xây dựng – Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc công chức Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng và Môi trường (đối với xã) phối hợp với công chức Tư pháp – Hộ tịch theo dõi chỉ tiêu 3, 5 của tiêu chí 2.

2.4. Công chức Văn hóa – Xã hội phối hợp với công chức Tư pháp – Hộ tịch theo dõi chỉ tiêu 5 của tiêu chí 2 và chỉ tiêu 6, 7 của tiêu chí 3;

2.5. Công chức Tài chính – Kế toán theo dõi chỉ tiêu 9 của tiêu chí 3; chỉ tiêu 3 của tiêu chí 4; phối hợp với công chức Tư pháp – Hộ tịch theo dõi chỉ tiêu 7 của tiêu chí 3;

2.6. Trưởng công an xã theo dõi chỉ tiêu 2 của tiêu chí 1;

Như vậy, từng công chức cấp xã được giao theo dõi, đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật cụ thể sẽ xác định số điểm của từng chỉ tiêu và gửi kết quả đến công chức Tư pháp – Hộ tịch để tổng hợp chung.

II. NỘI DUNG, MỤC ĐÍCH, ĐIỂM SỐ, CÁCH TÍNH ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Tiêu chí 1: Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật

1.1. Điểm tối đa của tiêu chí: 15 điểm;

1.2. Số lượng chỉ tiêu của tiêu chí: 03

1.3. Mục đích đánh giá:

a) Đo lường trách nhiệm, năng lực xây dựng, ban hành và hiệu quả tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền và kế hoạch, văn bản khác nhằm triển khai thi hành kịp thời Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của cấp trên.

b) Phản ánh, đánh giá thực trạng và đo lường khả năng, mức độ đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân trên địa bàn của chính quyền cấp xã.

1.4. Nội dung và cách tính điểm của từng chỉ tiêu:

a) Chỉ tiêu 1: Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên tại địa phương và triển khai thực hiện đúng yêu cầu, tiến độ (04 điểm)

Chỉ tiêu này chia thành 03 nội dung thành phần sau:

Nội dung 1: Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định những vấn đề được luật giao (01 điểm)

Theo quy định tại Điều 4, Điều 30 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, có 02 hình thức văn bản quy phạm pháp luật do cấp xã ban hành để quy định những vấn đề được luật giao, gồm: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điểm số nội dung này được xác định như sau: Nếu trong năm đánh giá Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ban hành Nghị quyết, Quyết định để quy định những vấn đề được luật giao đầy đủ, đúng tiến độ thì được 01 điểm, nếu ban hành đầy đủ nhưng chậm tiến độ hoặc đúng tiến độ nhưng chưa đầy đủ thì được 0,5 điểm; nếu không ban hành thì không được điểm nội dung này. Lưu ý trường hợp trong năm đánh giá không có nhiệm vụ ban hành văn bản quy phạm pháp luật do luật giao thì tính điểm tối đa của nội dung này là 01 điểm.

Nội dung 2: Ban hành kế hoạch, văn bản khác triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên đúng yêu cầu, tiến độ (01 điểm)

Tỷ lệ % = (Tổng số kế hoạch, văn bản khác được ban hành theo đúng yêu cầu, tiến độ đề ra/Tổng số kế hoạch, văn bản khác được giao ban hành) x 100

Ví dụ: Trong năm đánh giá cấp xã có tổng số 10 kế hoạch được giao ban hành, tại thời điểm đánh giá, chấm điểm nội dung này, có 07 văn bản được ban hành đúng yêu cầu, tiến độ đề ra, khi đó tỷ lệ % = 7/10 x 100 = 70%. Căn cứ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BTP quy định để tính điểm số của nội dung này là (70 x 1)/100 = 0,7 điểm.

Nội dung 3: Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, văn bản khác nêu trên (02 điểm)

Điểm số nội dung này được xác định như sau: Nếu trong năm đánh giá, chính quyền cấp xã tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, văn bản khác kịp thời, đúng quy định được 02 điểm; tổ chức thực hiện nhưng không kịp thời hoặc không đúng quy định hoặc tổ chức thực hiện kịp thời nhưng chưa đảm bảo yêu cầu, chất lượng thì được 01 điểm. Nếu không tổ chức thực hiện thì không được điểm nội dung này.

b) Chỉ tiêu 2: An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) trên địa bàn cấp xã được kiềm chế, có giảm so với năm trước (6 điểm)

Chỉ tiêu này chia thành 03 nội dung thành phần sau:

Nội dung 1: Ban hành văn bản của cấp ủy hoặc chính quyền hằng năm về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã (01 điểm)

Điểm số nội dung này được xác định như sau: Nếu trong năm đánh giá, ban hành văn bản của cấp ủy hoặc chính quyền hằng năm về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã thì được 01 điểm. Nếu không ban hành nghị quyết hoặc kế hoạch thì không được điểm nội dung này.

Nội dung 2: Tình hình an ninh chinh trị được bảo đảm, không để xảy ra trọng án trên địa bàn cấp xã (02 điểm)

Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 28/2014/TT-BCA ngày 07/7/2014 của Bộ Công an quy định về công tác điều tra hình sự trong công an nhân dân, "trọng án" được hiểu là vụ án hình sự về tội phạm quy định tại các điều 93, 95, 96; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại các điều 104, 111, 112, 113, 114, 133, 134, 135 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009 - gọi chung là Bộ luật hình sự năm 1999).

Điểm số nội dung này được xác định như sau: Nếu trong năm đánh giá địa bàn cấp xã tình hình an ninh chính trị được bảo đảm, không để xảy ra trọng án thì được 02 điểm. Nếu tình hình an ninh chính trị không được bảo đảm, trên địa bàn cấp xã xảy ra trọng án thì không được điểm nội dung này.

Nội dung 3: Kiềm chế, giảm tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) trên địa bàn (03 điểm)

Điểm số nội dung này được xác định như sau: Nếu trong năm đánh giá, trên địa bàn cấp xã tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, có giảm so với năm trước liền kề năm đánh giá thì được 03 điểm. Trường hợp tội phạm và tệ nạn xã hội của năm đánh giá tăng so với năm trước liền kề năm đánh giá thì bị trừ 0,25 điểm của tiêu chí này.

c) Chỉ tiêu 3: Giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn; không có hoặc giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài trên địa bàn cấp xã so với năm trước (05 điểm)

Chỉ tiêu này chia thành 03 nội dung thành phần sau:

Nội dung 1: Khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn (03 điểm)

Tỷ lệ % = (Tổng số khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn/Tổng số khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền) x 100

Ví dụ: Trong năm đánh giá cấp xã có tổng số 13 yêu cầu giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền. Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm nội dung này, có 10 yêu cầu giải quyết khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn, khi đó tỷ lệ % = 10/13 x 100 = 76,92%. Căn cứ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BTP để tính điểm số của nội dung này là (76,92 x 3)/100 = 2,22 điểm.

Nội dung 2: Khiếu nại, tố cáo kéo dài (01 điểm)

Khiếu nại, tố cáo kéo dài tại nội dung này được hiểu là các vụ việc khiếu nại, tố cáo đã được người có thẩm quyền giải quyết và thực hiện đúng quy định của pháp luật nhưng đương sự vẫn tiếp tục khiếu nại, tố cáo hoặc chưa giải quyết theo đúng quy định pháp luật về thời hạn khiếu nại, tố cáo.

Điểm số nội dung này được xác định như sau: Nếu trong năm đánh giá trên địa bàn cấp xã không có khiếu nại, tố cáo kéo dài thì được 01 điểm; nếu giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài so với năm trước liền kề năm đánh giá thì được 0,5 điểm. Nếu không giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài so với năm trước liền kề năm đánh giá thì không được điểm nội dung này.

Nội dung 3: Thực hiện đúng quy định của pháp luật về tiếp công dân (01 điểm)

Điểm số nội dung này được chấm trên các khía cạnh sau:

- Trong năm đánh giá chính quyền cấp xã bảo đảm các điều kiện tiếp công dân và tổ chức tiếp công dân đúng quy định thì được 0,5 điểm (Nếu không đảm bảo thì không được điểm);

- Trong năm đánh giá đối với những kiến nghị, phản ánh qua tiếp công dân được chính quyền cấp xã giải quyết đúng thời hạn và thông báo cho người đã đến kiến nghị, phản ánh bằng hình thức theo quy định của pháp luật thì được 0,5 điểm (Nếu không thực hiện thì không được điểm).

2. Tiêu chí 2: Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã

2.1. Điểm tối đa của tiêu chí: 30 điểm

2.2. Số lượng chỉ tiêu của tiêu chí: 05

2.3. Mục đích đánh giá:

a) Đánh giá, đo lường mức độ bảo đảm các điều kiện cần thiết phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã.

b) Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công vụ, trách nhiệm, tinh thần phục vụ của công chức cấp xã trong việc đáp ứng nhu cầu tiếp cận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp.

c) Nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền, công chức cấp xã trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, thực hiện cải cách thủ tục hành chính nói riêng và cải cách hành chính nhà nước nói chung.

3.4. Nội dung và cách tính điểm từng chỉ tiêu:

a) Chỉ tiêu 1: Công khai đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính (04 điểm)

Chỉ tiêu này chia thành 03 nội dung thành phần sau:

Nội dung 1: Thủ tục hành chính được niêm yết công khai đầy đủ theo quy định (02 điểm)

- Thủ tục hành chính được hiểu là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức. Ví dụ: Thủ tục đăng ký kết hôn, thủ tục đăng kí khai sinh, thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính...

- Căn cứ pháp lý xác định để chấm điểm nội dung này gồm: Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Quyết định công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp

chính quyền trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các văn bản có liên quan.

- Điểm số nội dung này được xác định như sau:

Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm, công chức được giao theo dõi nội dung này xác định tổng số thủ tục hành chính đã được niêm yết công khai trên thực tế và căn cứ các thủ tục hành chính phải công khai theo Quyết định công bố thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tính tỷ lệ % theo công thức trên, từ đó tính ra điểm số của nội dung này.

Công thức tính tỷ lệ % = (Tổng số thủ tục hành chính được niêm yết công khai/Tổng số thủ tục hành chính phải niêm yết công khai) x 100

Ví dụ: Trong các Quyết định công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định có 120 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã; tại thời điểm đánh giá, chấm điểm có 100 thủ tục hành chính đã được niêm yết công khai theo quy định, khi đó tỷ lệ % = (100/120) x 100 = 83,33%. Căn cứ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BTP để tính điểm số của nội dung này là (88,33 x 2)/100 = điểm.

Nội dung 2: Thủ tục hành chính được niêm yết công khai kịp thời theo quy định (02 điểm)

Việc niêm yết thủ tục hành chính phải được thực hiện công khai kịp thời theo quy định.

Nội dung 3: Thủ tục hành chính được niêm yết theo đúng quy định (01 điểm)

Điểm số nội dung này được chấm trên các khía cạnh sau:

- Trong năm đánh giá cấp xã niêm yết các thủ tục hành chính theo các hình thức quy định (bảng gắn trên tường, bảng trụ xoay, bảng di động...) thì được 0,5 điểm (Nếu không thực hiện thì không được điểm);

- Trong năm đánh giá cấp xã niêm yết các thủ tục hành chính tại địa điểm phù hợp, dễ tiếp cận thì được 0,5 điểm (Nếu không thực hiện thì không được điểm);

b) Chỉ tiêu 2: Bố trí địa điểm, công chức tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định (02 điểm)

Chỉ tiêu này được chia thành 03 nội dung thành phần sau:

Nội dung 1: Đảm bảo diện tích làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (0,5 điểm)

Điểm số nội dung này được xác định như sau: Nếu đảm bảo diện tích làm việc tối thiểu và diện tích bố trí ngồi chờ cho cá nhân, tổ chức đến giao dịch theo quy định trên thì được 0,5 điểm; nếu không đảm bảo diện tích nêu trên thì được 0,25 điểm của nội dung này.

Nội dung 2: Đảm bảo trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (0,5 điểm)

Điểm số nội dung này được xác định như sau: Nếu trong năm đánh giá, Ủy ban nhân dân cấp xã đảm bảo đầy đủ trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định trên thì được 0,5 điểm; nếu chưa đảm bảo đầy đủ theo quy định thì được 0,25 điểm của nội dung này.

Nội dung 3: Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo yêu cầu, trách nhiệm theo quy định (01 điểm)

Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã là công chức thuộc 07 chức danh công chức cấp xã được quy định tại Luật cán bộ, công chức năm 2008, Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn.

Điểm số nội dung này được xác định như sau: Trong năm đánh giá, nếu công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo yêu cầu, trách nhiệm theo quy định nêu trên thì được 01 điểm.

Trường hợp không bố trí, không đảm bảo về diện tích làm việc, trang thiết bị và yêu cầu, trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định thì bị trừ 0,25 điểm.

c) Chỉ tiêu 3: Giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định (10 điểm)

Chỉ tiêu này phản ánh, đánh giá thực trạng giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cấp xã theo trình tự, thủ tục, thời hạn quy định.

Tỷ lệ % = (Tổng số lượt thủ tục hành chính được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn/Tổng số lượt thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết) x 100

Điểm số nội dung này được xác định như sau: Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm, công chức được giao theo dõi, chấm điểm chỉ tiêu này cần căn cứ Quyết định công bố thủ tục hành chính, thủ tục hành chính được niêm yết công khai (trong đó quy định cụ thể về trình tự thủ tục, thời gian thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính...) và các tài liệu thống kê liên quan để xác định trong tổng số lượt giao dịch thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết trong năm đánh giá có tổng số bao nhiêu lượt thủ tục hành chính được tiếp nhận và giải quyết đúng

trình tự, thủ tục, thời hạn; từ đó xác định được tỷ lệ % theo công thức trên và tính ra điểm số của chỉ tiêu này.

Ví dụ: Trong năm đánh giá, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận giải quyết 150 lượt thủ tục hành chính. Căn cứ kết quả thống kê xác định được có 130 lượt thủ tục hành chính được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định; khi đó tỷ lệ % = (130/150) x 100 = 86,67%. Căn cứ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BTP để tính điểm số của nội dung này là (86,67 x 10)/100 = 8,67 điểm.

d) Chỉ tiêu 4: Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định (02 điểm)

Chỉ tiêu này phản ánh, đánh giá thực trạng tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về giải quyết các thủ tục hành chính theo trình tự, thủ tục, thời hạn quy định tại địa bàn cấp xã.

Tỷ lệ % = (Tổng số lượt phản ánh, kiến nghị được giải quyết đúng trình tự, thủ tục và thời hạn/Tổng số lượt phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận, giải quyết) x 100

Căn cứ để chấm điểm chỉ tiêu này bao gồm: Luật tiếp công dân năm 2013, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh, thành phố; các văn bản quy định cụ thể về quy trình, trình tự thủ tục, thời gian thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị và các tài liệu thống kê liên quan..

- Phản ánh là việc cá nhân, tổ chức có ý kiến với cơ quan hành chính nhà nước về những vấn đề liên quan đến quy định hành chính, bao gồm: những vướng mắc cụ thể trong thực hiện; sự không hợp pháp, không hợp lý, không đồng bộ, không thống nhất với hệ thống pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập và những vấn đề khác.

- Kiến nghị là việc cá nhân, tổ chức có phản ánh với cơ quan hành chính nhà nước và đề xuất phương án xử lý hoặc có sáng kiến ban hành mới quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân.

Cần lưu ý là nội dung này chỉ đề cập đến các phản ánh, kiến nghị về giải quyết các thủ tục hành chính. Trường hợp trong năm đánh giá không có phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn trong năm thì tính điểm tối đa của nội dung này là 02 điểm.

Điểm số nội dung này được xác định như sau: Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm, công chức được giao theo dõi, chấm điểm nội dung này cần dựa trên căn cứ để chấm điểm nêu trên để xác định trong tổng số lượt phản ánh, kiến nghị

về giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết trong năm đánh giá (bao gồm cả phản ánh, kiến nghị tại cấp xã và phản ánh, kiến nghị từ cơ quan khác chuyển đến có liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính tại địa bàn cấp xã) có tổng số bao nhiêu lượt thủ tục hành chính được tiếp nhận và giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn. Từ đó xác định được tỷ lệ % theo công thức trên và tính ra điểm số của chỉ tiêu này.

Ví dụ: Trong năm đánh giá, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận 10 lượt phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính; căn cứ kết quả thống kê xác định được có 08 lượt phản ánh, kiến nghị được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định; khi đó tỷ lệ % = (08/10) x 100 = 80%. Căn cứ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BTP để tính điểm số của nội dung này là (80 x 2)/100 = 1,6 điểm.

đ) Chỉ tiêu 5: Bảo đảm sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính (12 điểm)

Chỉ tiêu này chia thành 02 nội dung thành phần sau:

Nội dung 1: Hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (07 điểm)

Tỷ lệ % = (Tổng số phiếu có trả lời hài lòng/Tổng số phiếu lấy ý kiến được hỏi) x 100

Nội dung 2: Hài lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (05 điểm)

Tỷ lệ % = (Tổng số phiếu có trả lời hài lòng/Tổng số phiếu ý kiến được hỏi) x 100

Đối với chỉ tiêu này, Điều 5 Thông tư số 07/2017/TT-BTP đã hướng dẫn như sau:

- Về hình thức đánh giá sự hài lòng:

Để thuận tiện cho các địa phương trong việc đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã, Quyết định số 619/QĐ-TTg quy định việc đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân được thực hiện bằng phiếu lấy ý kiến, bảng điện tử hoặc hình thức phù hợp khác tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc kết hợp với đánh giá sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới, chỉ số cải cách thủ tục hành chính hằng năm. Thông tư số 07/2017/TT-BTP quy định đối với đơn vị cấp xã trong năm đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cũng thực hiện đo lường sự hài lòng về chỉ số cải cách thủ tục hành chính (chỉ số PAR INDEX) thì có thể lồng ghép đánh giá hoặc sử dụng kết quả của chỉ số này để tính điểm chỉ tiêu này. Điểm cần lưu ý là dù áp dụng hình thức nào thì vẫn phải đảm bảo 02 nội dung đánh giá nêu trên, đảm bảo tiết kiệm nguồn lực, chi phí...của nhà nước và

thời gian của người dân. (Mẫu Phiếu lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng quy định tại Phụ lục II).

- Về đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng:

Đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng bao gồm tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã và đã được trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong năm đánh giá hoặc năm trước liền kề năm đánh giá. Số lượng đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng hằng năm của mỗi đơn vị cấp xã do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn nhưng tối thiểu phải đạt từ **15%** trở lên số lượt thủ tục hành chính tại cấp xã đã được giải quyết và trả kết quả của năm trước liền kề năm đánh giá. Mức quy định 15% là tối thiểu, vì vậy, khuyến khích các địa phương tổ chức lấy ý kiến trên mức tối thiểu nếu có đủ điều kiện về nguồn lực triển khai. Như vậy, cần căn cứ vào số liệu thống kê về thủ tục hành chính đã được giải quyết và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân của năm trước liền kề năm đánh giá để xác định số lượng đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng của năm đánh giá.

Ví dụ: Số lượt thủ tục hành chính tại cấp xã của năm trước liền kề năm đánh giá là 1.000 lượt thì số lượng đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng của năm đánh giá tối thiểu là 150 tổ chức, cá nhân. Do vậy, một tổ chức, cá nhân có thể thực hiện nhiều giao dịch thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trong một năm nhưng việc đánh giá sự hài lòng chỉ thực hiện đối với một lần trong số đó (nếu có) vì số lượng tổ chức, cá nhân ở đây được hiểu là không trùng nhau.

- Về cách thức tổ chức thực hiện đánh giá sự hài lòng bằng hình thức Phiếu lấy ý kiến:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, phân công công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết của Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp công chức Tư pháp – Hộ tịch tổ chức đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính như sau:

Thứ nhất, giao công chức Tư pháp – Hộ tịch chủ trì, phối hợp với các công chức khác làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đề xuất hình thức, số lượng đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

Thứ hai, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện đánh giá sự hài lòng; tổng hợp, xử lý kết quả gửi công chức Tư pháp – Hộ tịch tổng hợp, xây dựng báo cáo;

Thứ ba, giao công chức lưu giữ hồ sơ, tài liệu phục vụ việc đánh giá sự hài lòng theo quy định.

+ Thời điểm đánh giá sự hài lòng: Căn cứ điều kiện thực tế địa phương, việc đánh giá sự hài lòng bằng hình thức Phiếu lấy ý kiến được thực hiện nhiều lần vào cuối tháng, cuối quý hoặc 06 tháng một lần.

+ Trường hợp gửi hoặc phát Phiếu lấy ý kiến tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân trả lời đầy đủ nội dung và yêu cầu của Phiếu lấy ý kiến sau khi trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

+ Trường hợp gửi hoặc phát Phiếu lấy ý kiến theo cách thức điều tra thì cán bộ điều tra có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân trả lời đầy đủ nội dung và yêu cầu của Phiếu lấy ý kiến; thu nhận, tổng hợp Phiếu lấy ý kiến và bàn giao đầy đủ cho công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã để xử lý, tổng hợp kết quả theo quy định.

+ Trên cơ sở tổng hợp Phiếu lấy ý kiến theo hướng dẫn tại "Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân" (Mẫu 03-TCPL-II), công chức được giao tổng hợp, chấm điểm tính được tỷ lệ % của từng nội dung, từ đó tính ra điểm của chỉ tiêu này.

3. Tiêu chí 3: Phổ biến, giáo dục pháp luật

3.1. Điểm tối đa của tiêu chí: 25 điểm

3.2. Số lượng chỉ tiêu của tiêu chí: 09

3.3. Mục đích đánh giá:

a) Đo lường, đánh giá trách nhiệm, năng lực và kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ thông tin pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật và đối thoại chính sách, pháp luật của chính quyền cơ sở theo thẩm quyền được giao; mức độ tạo điều kiện cho người dân tiếp cận pháp luật và tham gia xây dựng chính sách, pháp luật.

b) Đánh giá thực trạng, tính hiệu quả của các thiết chế thông tin, văn hóa cơ sở trong hỗ trợ, giúp đỡ người dân tiếp cận pháp luật.

c) Đo lường khả năng, trách nhiệm của địa phương trong bảo đảm các nguồn lực về kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật.

3.4. Nội dung và cách tính điểm của từng chỉ tiêu:

a) Chỉ tiêu 1: Công khai văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn (trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước) thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã (02 điểm)

- Căn cứ pháp lý: Khoản 3 Điều 150 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: *"Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân*

dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phải được niêm yết công khai và phải được đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương. Thời gian và địa điểm niêm yết công khai do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định". Các thông tin phải công khai rộng rãi được quy định tại Điều 17 Luật tiếp cận thông tin năm 2015, trong đó có văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung.

- Hình thức công khai được quy định tại Điều 18 Luật tiếp cận thông tin năm 2015 gồm: đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo; niêm yết tại trụ sở cơ quan nhà nước và các địa điểm khác; thông qua việc tiếp công dân, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật và các hình thức khác thuận lợi cho công dân do cơ quan có trách nhiệm công khai thông tin xác định. Điều 6 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở cơ sở xã, phường, thị trấn năm 2007 cũng quy định, những nội dung công khai để nhân dân biết được thực hiện thông qua các hình thức: niêm yết công khai tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân cấp xã; công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã; công khai thông qua Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến nhân dân hoặc có thể áp dụng đồng thời nhiều hình thức công khai trên.

Chỉ tiêu này chia thành 02 nội dung thành phần sau:

Nội dung 1: Thực hiện công khai theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai (01 điểm);

Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản đã thực hiện công khai/Tổng số văn bản theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai) x 100

Nội dung 2: Thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng thời điểm, thời hạn, hình thức theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai (01 điểm)

Điểm số nội dung này được chấm trên các khía cạnh sau:

- Trong năm đánh giá, cấp xã thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng thời điểm, thời hạn thì được 0,5 điểm (Nếu thực hiện không đúng thời điểm, thời hạn thì không được điểm);

- Trong năm đánh giá cấp xã thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng hình thức thì được 0,5 điểm (Nếu thực hiện không đúng hình thức thì không được điểm);

b) Chỉ tiêu 2: Cung cấp đầy đủ thông tin pháp luật thuộc trách nhiệm phải cung cấp của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định (02 điểm)

Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin pháp luật đã cung cấp/Tổng số thông tin pháp luật đủ điều kiện cung cấp) x 100

- Căn cứ pháp lý:

Luật tiếp cận thông tin năm 2015 quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra và thông tin do mình nhận được để trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trừ trường hợp các thông tin công dân không được tiếp cận theo quy định; đối với thông tin công dân tiếp cận có điều kiện thì cung cấp thông tin khi có đủ điều kiện theo quy định; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp cho công dân cư trú trên địa bàn thông tin do mình và do các cơ quan ở cấp mình tạo ra, thông tin do mình nhận được để trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; cung cấp cho công dân khác thông tin này trong trường hợp liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ (Điều 9). Luật tiếp cận thông tin năm 2015 cũng dành cả Chương III để quy định về cung cấp thông tin theo yêu cầu, trong đó quy định cụ thể về thông tin được cung cấp theo yêu cầu, hình thức yêu cầu cung cấp thông tin, hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu, việc tiếp nhận, trình tự, thủ tục giải quyết thông tin theo yêu cầu…

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2015 quy định*: "Công dân có quyền yêu cầu Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi mình cư trú cung cấp thông tin về hoạt động của Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn đó. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, người được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin, trừ trường hợp nội dung thông tin đã được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, được phát hành ấn phẩm hoặc niêm yết công khai; trường hợp không cung cấp hoặc chưa cung cấp được thì phải trả lời bằng văn bản cho người yêu cầu biết và nêu rõ lý do"* (Điều 32).

Điểm số nội dung này được xác định như sau: Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm, nếu trong năm đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã cần xác định trong tổng số thông tin pháp luật đủ điều kiện cung cấp, có bao nhiêu thông tin pháp luật đã cung cấp, trên cơ sở đó xác định tỷ lệ % và tính ra điểm của nội dung này.

c) Chỉ tiêu 3: Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan, tổ chức cấp trên (02 điểm)

Điều 30, Điều 142 và Điều 144 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành nghị quyết, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định để quy định những vấn đề được luật giao. Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã do Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức soạn thảo và trình Hội đồng nhân dân; dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức, chỉ đạo việc soạn thảo. Căn cứ vào tính chất và nội dung của dự thảo nghị quyết, dự thảo quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, của Nhân dân tại các thôn, làng, buôn, ấp, bản, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố bằng hình thức thích hợp.

Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá cấp xã đã lấy ý kiến Nhân dân đối với tất cả dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên thì được 02 điểm; nếu lấy ý kiến Nhân dân đối với một số dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thì được 01 điểm. Nếu không tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong khi yêu cầu phải lấy ý kiến thì không được điểm nội dung này. Lưu ý là trường hợp trong năm đánh giá không được giao nhiệm vụ lấy ý kiến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thì vẫn được điểm tối đa của chỉ tiêu này là 02 điểm.

d) Chỉ tiêu 4: Tổ chức quán triệt, phổ biến các văn bản, chính sách pháp luật mới ban hành cho cán bộ, công chức cấp xã (02 điểm)

Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá cấp xã đã tổ chức quán triệt, phổ biến đầy đủ, kịp thời các văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ, công chức cấp xã bằng hình thức thích hợp thì được 02 điểm; nếu tổ chức quán triệt, phổ biến một số văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ, công chức cấp xã thì được 01 điểm. Nếu không tổ chức quán triệt, phổ biến văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ, công chức cấp xã thì không được điểm nội dung này.

đ) Chỉ tiêu 5: Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn cấp xã bằng hình thức thích hợp (05 điểm)

Chỉ tiêu này chia thành 02 nội dung thành phần sau:

Nội dung 1: Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 hằng năm (0,5 điểm)

Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 hằng năm thì được 0,5 điểm. Nếu ban hành sau thời hạn này hoặc không ban hành Kế hoạch thì không được điểm nội dung này.

Nội dung 2: Tổ chức thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn cấp xã bằng hình thức phù hợp theo Kế hoạch đề ra (3,5 điểm)

Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá chính quyền cấp xã tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn cấp xã bằng hình thức phù hợp theo Kế hoạch thì được 3,5 điểm; nếu tổ chức thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời hoặc chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch thì được 1,5 điểm. Nếu tổ chức thực hiện chưa đầy đủ, chưa kịp thời, chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch thì được 0,5 điểm. Trường hợp không tổ chức thực hiện các hoạt động theo Kế hoạch thì không được điểm nội dung này.

e) Chỉ tiêu 6: Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù trên địa bàn thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật (02 điểm)

Chỉ tiêu này chia thành 02 nội dung thành phần sau:

Nội dung 1: Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù trên địa bàn hoặc lồng ghép nội dung này trong Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm (0,5 điểm)

Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù trên địa bàn hoặc lồng ghép nội dung này trong Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm thì được 0,5 điểm. Nếu không ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù hoặc không lồng ghép nội dung này trong Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm thì không được điểm nội dung này.

Nội dung 2: Tổ chức thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù theo Kế hoạch đề ra (1,5 điểm)

Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá chính quyền cấp xã tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù theo Kế hoạch đề ra thì được 1,5 điểm; nếu tổ chức thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời hoặc chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch thì được 01 điểm; nếu tổ chức thực hiện chưa đầy đủ, chưa kịp thời, chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch thì được 0,5 điểm. Trường hợp không tổ chức thực hiện các hoạt động theo Kế hoạch thì không được điểm nội dung này.

g) Chỉ tiêu 7: Các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật tại cơ sở hoạt động có hiệu quả, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, phổ biến pháp luật của Nhân dân trên địa bàn cấp xã (06 điểm)

Chỉ tiêu này chia thành 03 nội dung thành phần sau:

Nội dung 1: Xây dựng, thực hiện chuyên mục thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật qua mạng lưới phát thanh, truyền thanh của Đài Truyền thanh cấp xã, loa truyền thanh cơ sở theo định kỳ (02 điểm)

Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá trên địa bàn cấp xã chuyên mục thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật qua mạng lưới phát thanh, truyền thanh của Đài Truyền thanh cấp xã, loa truyền thanh cơ sở được thực hiện hàng tuần và nội dung thiết thực, đa dạng thì được 02 điểm; nếu thực hiện hàng tháng và nội dung thiết thực, đa dạng thì được 01 điểm; nếu thực hiện hàng quý và nội dung thiết thực, đa dạng thì được 0,5 điểm. Trường hợp không thực hiện chuyên mục thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật qua mạng

lưới phát thanh, truyền thanh của Đài Truyền thanh cấp xã, loa truyền thanh cơ sở theo định kỳ và nội dung không thiết thực, đa dạng thì không được điểm nội dung này.

Nội dung 2: Xây dựng, quản lý, khai thác có hiệu quả Tủ sách pháp luật cấp xã theo quy định (03 điểm)

Việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật được thực hiện theo các quy định tại Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật. Nội dung này được chấm trên các khía cạnh sau:

- Bố trí địa điểm thuận tiện, phân công người phụ trách và quản lý Tủ sách pháp luật theo quy định thì được 0,5 điểm (Nếu không bố trí địa điểm, phân công người phụ trách, quản lý Tủ sách pháp luật thì không được điểm).

- Định kỳ 06 tháng/lần thực hiện rà soát, phân loại, bổ sung sách, tài liệu của Tủ sách pháp luật theo quy định thì được 0,5 điểm (Nếu không thực hiện thì không được điểm).

- Sử dụng máy tính nối mạng internet, hệ thống cơ sở dữ liệu pháp luật để tra cứu, khai thác văn bản, tài liệu pháp luật cho Tủ sách pháp luật thì được 01 điểm (Nếu không thực hiện thì không được điểm).

- Thực hiện thông tin, giới thiệu các sách, tài liệu mới, có nội dung thiết thực với Nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn; luân chuyển sách, tài liệu của Tủ sách pháp luật với các mô hình tủ sách tự quản/thư viện/điểm bưu điện – văn hóa để Nhân dân tiếp cận sách, tài liệu được thuận tiện, kịp thời thì được 0,5 điểm (Nếu không thực hiện thì không được điểm).

- Xây dựng, duy trì một trong các mô hình Tủ sách/ngăn sách/túi sách pháp luật tại cộng đồng dân cư (Tủ sách của thôn, làng; Tủ sách khu nhà trọ; Tủ sách quán cà phê…) trên địa bàn thì được 0,5 điểm (Nếu trên địa bàn cấp xã không có các một trong các mô hình này thì không được điểm)

Nội dung 3: Xây dựng, hỗ trợ hoạt động Câu lạc bộ nhằm thực hiện phổ biến, tiếp cận pháp luật chon người dân (Câu lạc bộ pháp luật; Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm; Câu lạc bộ nông dân, phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh hoặc Câu lạc bộ khác) (01 điểm)

Điểm số nội dung này được chấm trên các khía cạnh sau:

- Chỉ đạo, hướng dẫn thành lập Câu lạc bộ thì được 0,5 điểm (Nếu không thực hiện thì không được điểm).

- Hằng năm có hỗ trợ cho hoạt động của Câu lạc bộ trên địa bàn tổ chức sinh hoạt định kỳ có hiệu quả, thiết thực thì được 0,5 điểm (Nếu không thực hiện thì không được điểm).

h) Chỉ tiêu 8: Tổ chức đối thoại chính sách, pháp luật theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương (02 điểm)

Điều 125 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định về tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân như sau: "Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức ***ít nhất một lần*** hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân ở địa phương về tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân và những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân ở địa phương; trường hợp quy mô đơn vị hành chính cấp xã quá lớn, có thể tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo từng cụm thôn, tổ dân phố. Ủy ban nhân dân phải thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân chậm nhất là 07 ngày trước ngày tổ chức hội nghị".

Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại chính sách, pháp luật, lắng nghe ý kiến phản ánh, kiến nghị của Nhân dân địa phương thì được 02 điểm. Nếu không tổ chức trao đổi, đối thoại theo quy định thì bị trừ 0,25 điểm.

i) Chỉ tiêu 9: Bố trí đủ kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định (03 điểm)

Chỉ tiêu này chia thành 02 nội dung thành phần sau:

Nội dung 1: Trong dự toán ngân sách cấp xã hằng năm có bố trí kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (01 điểm)

Bố trí đủ kinh phí được hiểu là việc thực hiện đúng quy định về định mức, mức chi, nội dung chi để bảo đảm thực hiện có nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch đã được phê duyệt. Điểm số nội dung này được xác định như sau: Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá trong dự toán ngân sách cấp xã hằng năm có bố trí kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thì được 01 điểm. Nếu trong năm đánh giá trong dự toán ngân sách cấp xã hằng năm không bố trí kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thì không được điểm nội dung này.

Nội dung 2: Định mức kinh phí ngân sách bảo đảm hằng năm (02 điểm)

Tỷ lệ % = (Tổng số kinh phí được cấp/Tổng số kinh phí đề xuất với các mức chi và nội dung chi theo quy định của pháp luật về tài chính để thực hiện các nhiệm vụ đã được phê duyệt) x 100

Điểm số nội dung này được xác định như sau: Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá tổng số kinh phí được cấp trên tổng số kinh phí đề xuất với mức chi và nội dung chi theo quy định của pháp luật về tài

chính để thực hiện các nhiệm vụ đã được phê duyệt, từ đó xác định tỷ lệ % và tính được điểm của nội dung này.

4. Tiêu chí 4: Hòa giải ở cơ sở

4.1. Điểm tối đa của tiêu chí: 10 điểm

4.2. Số lượng chỉ tiêu của tiêu chí: 03

4.3. Mục đích đánh giá:

a) Đo lường, đánh giá trách nhiệm, năng lực của chính quyền cấp xã trong chỉ đạo, triển khai công tác hòa giải ở cơ sở và kết quả về tổ chức hoạt động và hiệu quả của thiết chế hòa giải ở cơ sở - một trong những thiết chế giải quyết tranh chấp có hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tại địa bàn cơ sở tiếp cận pháp luật.

b) Đo lường mức độ, trách nhiệm của Nhà nước trong bảo đảm kinh phí hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở.

4.4. Nội dung và cách tính điểm của từng chỉ tiêu:

a) Chỉ tiêu 1: Thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên; đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở (02 điểm)

Chỉ tiêu này được chia thành 04 nội dung thành phần sau:

Nội dung 1: Hướng dẫn thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên khi thực tế phát sinh nhu cầu (01 điểm)

Điều 29 Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013 quy định Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm *"...thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên tại địa phương..."*. Điểm b Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải (sau đây gọi là Nghị định số 15/2014/NĐ-CP) quy định Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm *"Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hướng dẫn Ban công tác Mặt trận phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận, cho thôi tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên"*.

Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã đã hướng dẫn thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên thì được 01 điểm; nếu không thực hiện thì không được điểm nội dung này. Lưu ý là trường hợp trong năm đánh giá không thực sự cần thiết thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên thì vẫn tính điểm tối đa của nội dung này là 01 điểm.

Nội dung 2: Hỗ trợ tài liệu phục vụ hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định (0,5 điểm)

Điểm a Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP quy định Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm *"...hỗ trợ tài liệu, phổ biến pháp luật phục vụ hoạt động hòa giải ở cơ sở cho cá nhân quy định tại Điều 2 của Nghị định này"* (cá nhân có uy tín trong gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư tham gia hòa giải ở cơ sở).

Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã hỗ trợ tài liệu phục vụ hoạt động hòa giải ở cơ sở cho các cá nhân được khuyến khích tham gia hòa giải ở cơ sở theo quy định thì được 0,5 điểm. Nếu không thực hiện thì không được điểm nội dung này.

Nội dung 3: Hướng dẫn, thực hiện các văn bản pháp luật về hòa giải ở cơ sở (0,5 điểm)

Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã có hướng dẫn, thực hiện các văn bản pháp luật về hòa giải ở cơ sở thì được 0,5 điểm. Nếu không thực hiện thì không được điểm nội dung này.

Nội dung 4: Hòa giải viên được tham gia bồi dưỡng, tập huấn, cung cấp tài liệu nghiệp vụ hòa giải do cơ quan cấp trên hoặc cấp xã tổ chức (01 điểm)

Nội dung này được chấm trên các khía cạnh sau:

- Hòa giải viên được tham gia bồi dưỡng, tập huấn, cung cấp tài liệu nghiệp vụ hòa giải do cơ quan cấp trên tổ chức thì được 0,5 điểm (Nếu không được tham gia thì không được điểm).

- Hòa giải viên được tham gia bồi dưỡng, tập huấn, cung cấp tài liệu nghiệp vụ hòa giải do cấp xã tổ chức thì được 0,5 điểm (Nếu không được tham gia thì không được điểm).

b) Chỉ tiêu 2: Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải kịp thời theo yêu cầu của các bên (04 điểm)

Chỉ tiêu này chia thành 02 nội dung thành phần sau:

Nội dung 1: Các vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải được tiếp nhận và thực hiện hòa giải theo quy định (02 điểm)

Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải/Tổng số vụ, việc được tiếp nhận thuộc phạm vi hòa giải theo quy định) x 100

Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm, công chức được giao theo dõi, chấm điểm nội dung này cần căn cứ kết quả thống kê để xác định trong tổng số các vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải theo quy định của Luật hòa giải ở cơ sở có tổng số bao nhiêu vụ, việc được thực hiện hòa giải, từ đó xác định tỷ lệ % và tính số điểm đạt được của nội dung này.

Ví dụ: Trong năm đánh giá, trên địa bàn cấp xã có tổng số 50 vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải theo quy định được các tổ hòa giải tiếp nhận, tại thời điểm đánh giá, chấm điểm nội dung này xác định được có 45 vụ, việc được thực hiện hòa giải, khi đó tỷ lệ % = (45/50) x 100 = 90%. Căn cứ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BTP để tính điểm số của nội dung này là (90 x 2)/100 = 1,8 điểm.

Nội dung 2: Các vụ, việc hòa giải thành (02 điểm)

Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải) x 100

Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm, công chức được giao theo dõi, chấm điểm nội dung này cần căn cứ kết quả thống kê để xác định trong tổng số các vụ, việc được thực hiện hòa giải có tổng số bao nhiêu vụ, việc hòa giải thành, từ đó xác định tỷ lệ % và tính số điểm đạt được của nội dung này.

Ví dụ: Trong năm đánh giá, trên địa bàn cấp xã có tổng số 45 vụ, việc được thực hiện hòa giải, tại thời điểm đánh giá, chấm điểm nội dung này xác định được có 30 vụ, việc hòa giải thành, khi đó tỷ lệ % = (30/45) x 100 = 66,67%. Căn cứ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BTP để tính điểm số của nội dung này là (66,67 x 2)/100 = 1,3 điểm.

c) Chỉ tiêu 3: Bố trí đủ kinh phí hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định (03 điểm)

Điều 29 Luật hòa giải ở cơ sở quy định Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm *"xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho hoạt động hòa giải tại địa phương"*. Điểm c Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP quy định Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm *"xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho hoạt động hòa giải trình Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định; thực hiện hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hòa giải tại xã, phường, thị trấn"* và Điều 12 quy định "*Kinh phí cho quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành…"*.

Chỉ tiêu này chia thành 02 nội dung thành phần sau:

Nội dung 1: Trong dự toán ngân sách cấp xã hằng năm có bố trí kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở (01 điểm)

Nội dung chi cho hoạt động quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở được quy định cụ thể tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở (sau đây gọi là tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP). Mức chi cho các hoạt động trên thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông

tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP và các văn bản pháp luật có liên quan; Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm số nội dung này được xác định như sau: Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm xác định trong năm đánh giá trong dự toán ngân sách cấp xã hằng năm có bố trí kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở thì được 01 điểm. Nếu trong năm đánh giá trong dự toán ngân sách cấp xã hằng năm không bố trí kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở thì không được điểm nội dung này.

Nội dung 2: Hỗ trợ kinh phí cho tổ hòa giải và hòa giải viên (02 điểm)

Điều 13 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP quy định nội dung hỗ trợ kinh phí cho tổ hòa giải và hòa giải viên như sau: (1) Chi hỗ trợ để mua văn phòng phẩm; mua, sao chụp tài liệu phục vụ hoạt động của tổ hòa giải; tổ chức các cuộc họp, sơ kết, tổng kết hoạt động của tổ hòa giải và (2) Chi thù lao cho hòa giải viên theo vụ, việc; chi hỗ trợ cho hòa giải viên khi gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải.

Khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP quy định về nội dung chi hỗ trợ cho hòa giải viên và tổ hòa giải và Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: (1) Chi thù lao cho hòa giải viên theo vụ, việc; (2) Chi hỗ trợ cho hòa giải viên khi gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải và (3) Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải gồm: chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải.

Mức chi cho các hoạt động trên thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP và các văn bản pháp luật có liên quan và trên cở sở phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương đối với nội dung (1) và (2).

Nội dung này được chấm trên các khía cạnh sau:

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải (01 điểm): Theo đó, chính quyền cấp xã hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải theo đúng định mức quy định thì được 01 điểm; nếu hỗ trợ theo định mức thấp hơn định mức quy định thì được 0,5 điểm. Trường hợp không hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải theo quy định thì không được điểm.

- Chi thù lao hòa giải viên theo vụ, việc (01 điểm): Theo đó, chính quyền cấp xã chi thù lao hòa giải viên cho tất cả vụ, việc hòa giải theo đúng định mức quy định thì được 01 điểm; nếu chi thù lao hòa giải viên cho một số vụ, việc hòa giải hoặc chi thù lao với định mức thấp hơn định mức quy định thì được 0,5

điểm. Trường hợp không chi thù lao hòa giải viên theo vụ, việc thì không được điểm.

5. Tiêu chí 5: Thực hiện dân chủ ở cơ sở

5.1. Điểm tối đa của tiêu chí: 20 điểm

5.2. Số lượng chỉ tiêu của tiêu chí: 05

5.3. Mục đích đánh giá:

a) Đo lường mức độ bảo đảm của Nhà nước trong việc phát huy quyền làm chủ của người dân tại cơ sở.

b) Đánh giá, đo lường mức độ tham gia và tiếp cận của người dân đối với nội dung công khai để nhân dân biết, nội dung nhân dân bàn và quyết định; nội dung nhân dân tham gia ý kiến và nội dung nhân dân thực hiện giám sát.

5.4. Nội dung và cách tính điểm của từng chỉ tiêu:

a) Chỉ tiêu 1: Công khai, minh bạch các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở, trừ các thông tin quy định tại chỉ tiêu 1 của tiêu chí 2 và chỉ tiêu 1 của tiêu chí 3 (04 điểm)

Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung được công khai/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định phải công khai để dân biết phát sinh trên thực tế) x 100

Những nội dung mà pháp luật quy định phải công khai để nhân dân biết quy định tại Điều 5 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, gồm: (1) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách hằng năm của cấp xã; (2) Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã; (3) Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân; (4) Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động nhân dân đóng góp; (5) Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế; (6) Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã; (7) Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã; (8) Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân theo quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh này; (9) Đối tượng, mức thu các loại

phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu; (10) Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện và (11) Những nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

Điểm số chỉ tiêu này được xác định như sau: Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm, công chức được giao theo dõi, chấm điểm chỉ tiêu này cần xác định trong năm đánh giá trong tổng số các nội dung pháp luật quy định phải công khai để dân biết thì trên thực tế địa bàn cấp xã phát sinh bao nhiêu nội dung và xác định tổng số nội dung được công khai trên tổng số nội dung thực tế phát sinh, từ đó tính tỷ lệ % và xác định số điểm đạt được của chỉ tiêu này.

Ví dụ: Trong năm đánh giá, trên địa bàn cấp xã đã công khai 06 nội dung trên tổng số 08 nội dung pháp luật quy định phải công khai để dân biết phát sinh tại địa phương, khi đó tỷ lệ % = (6/8) x 100 = 75%. Căn cứ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BTP để tính điểm số của nội dung này là (75 x 4)/100 = 3 điểm.

b) Chỉ tiêu 2: Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở (04 điểm)

Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, quyết định trực tiếp/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định cử tri hoặc đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp phát sinh trên thực tế) x 100

Những nội dung mà pháp luật quy định nhân dân bàn và quyết định trực tiếp quy định tại Điều 10 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, gồm: Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

Điểm số chỉ tiêu này được xác định như sau: Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm, công chức được giao theo dõi, chấm điểm chỉ tiêu này cần xác định trong năm đánh giá trong các nội dung pháp luật quy định nhân dân bàn, quyết định trực tiếp thì trên thực tế địa bàn cấp xã phát sinh bao nhiêu nội dung và xác định tổng số nội dung nhân dân bàn, quyết định trực tiếp trên tổng số nội dung thực tế phát sinh, từ đó tính tỷ lệ % và xác định số điểm đạt được của chỉ tiêu này.

Ví dụ: Trong năm đánh giá, trên địa bàn cấp xã cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, quyết định trực tiếp 04 nội dung trên tổng số 05 nội dung pháp luật quy định nhân dân được bàn, quyết định trực tiếp, khi đó tỷ lệ % = (4/5) x 100 = 80%. Căn cứ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BTP để tính điểm số của nội dung này là (80 x 4)/100 = 3,2 điểm.

c) Chỉ tiêu 3: Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở (04 điểm)

Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung được cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, biểu quyết/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định phát sinh trên thực tế) x 100

Những nội dung mà pháp luật quy định nhân dân được bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định quy định tại Điều 13 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, gồm: (1) Hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; (2) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và (3) Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Điểm số chỉ tiêu này được xác định như sau: Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm, công chức được giao theo dõi, chấm điểm chỉ tiêu này cần xác định trong năm đánh giá trong tổng số các nội dung pháp luật quy định nhân dân được bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định thì trên thực tế địa bàn cấp xã phát sinh bao nhiêu nội dung và xác định tổng số nội dung được nhân dân bàn, biểu quyết trên tổng số nội dung thực tế phát sinh, từ đó tính tỷ lệ % và xác định số điểm đạt được của chỉ tiêu này.

Ví dụ: Trong năm đánh giá, cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình đã bàn, biểu quyết đối với 02 nội dung trên tổng số 03 nội dung pháp luật quy định nhân dân được bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định phát sinh thực tế tại địa phương, khi đó tỷ lệ % = (2/3) x 100 = 66,67%. Căn cứ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BTP để tính điểm số của nội dung này là (66,67 x 4)/100 = 2,67 điểm.

d) Chỉ tiêu 4: Nhân dân được tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở (04 điểm)

Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được Nhân dân tham gia ý kiến/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định phải lấy ý kiến Nhân dân phát sinh trên thực tế) x 100

Những nội dung mà pháp luật quy định nhân dân được tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định quy định tại Điều 19 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, gồm: (1) Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã, phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất, đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành nghề của cấp xã; (2) Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, việc quản lý, sử dụng quỹ đất của cấp xã; (3) Dự thảo kế

hoạch triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn cấp xã, chủ trương, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư, phương án quy hoạch khu dân cư; (4) Dự thảo đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp đến cấp xã và (5) Nội dung khác cần phải lấy ý kiến nhân dân theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

Điểm số chỉ tiêu này được xác định như sau: Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm, công chức được giao theo dõi, chấm điểm chỉ tiêu này cần xác định trong năm đánh giá trong các nội dung pháp luật quy định nhân dân được tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định thì trên thực tế địa bàn cấp xã phát sinh bao nhiêu nội dung và xác định tổng số nội dung nhân dân đã tham gia ý kiến trên tổng số nội dung thực tế phát sinh, từ đó tính tỷ lệ % và xác định số điểm đạt được của chỉ tiêu này.

Ví dụ: Trong năm đánh giá, trên địa bàn cấp nhân dân đã tham gia ý kiến đối với 03 nội dung trên tổng số 04 nội dung pháp luật quy định nhân dân được tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định phát sinh trên thực tế, khi đó tỷ lệ % = (3/4) x 100 = 75%. Căn cứ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BTP để tính điểm số của nội dung này là (75 x 4)/100 = 3 điểm.

đ) Chỉ tiêu 5: Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở (04 điểm)

Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được giám sát/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định Nhân dân thực hiện giám sát trực tiếp và thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng phát sinh trên thực tế) x 100

Điều 23 Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định Nhân dân giám sát việc thực hiện các nội dung quy định tại các điều 5, 10, 13 và 19 của Pháp lệnh này, tức là những nội dung công khai để dân biết, nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp; những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định và những nội dung nhân dân tham gia ý kiến.

Điểm số chỉ tiêu này được xác định như sau: Tại thời điểm đánh giá, chấm điểm, chấm điểm, công chức được giao theo dõi, chấm điểm chỉ tiêu này cần xác định trong năm đánh giá trong các nội dung pháp luật quy định nhân dân thực hiện việc giám sát thì trên thực tế địa bàn cấp xã phát sinh bao nhiêu nội dung và xác định tổng số nội dung nhân dân đã giám sát trực tiếp hoặc thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng trên tổng số nội dung thực tế phát sinh, từ đó tính tỷ lệ % và xác định số điểm đạt được của chỉ tiêu này.

Ví dụ: Trong năm đánh giá, trên địa bàn cấp nhân dân đã giám sát đối với 15 nội dung trên tổng số 20 nội dung pháp luật quy định nhân dân giám sát việc thực hiện phát sinh trên thực tế, khi đó tỷ lệ % = (15/20) x 100 = 75%. Căn cứ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2017/TT-BTP để tính điểm số của nội dung này là (75 x 4)/100 = 3 điểm.

B- ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

I. ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN CÔNG NHẬN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Điều 6 Quyết định số 619/QĐ-TTg xác định xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi đáp ứng đủ 04 điều kiện như sau:

1.1. Không có tiêu chí nào dưới 50% số điểm tối đa. Như vậy, để đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, các tiêu chí cần phải đạt số điểm như sau:

- Tiêu chí 1. Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật: đạt 7,5 điểm trở lên.

- Tiêu chí 2. Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã: đạt 15 điểm trở lên

- Tiêu chí 3. Phổ biến, giáo dục pháp luật: đạt từ 12,5 điểm trở lên

- Tiêu chí 4. Hòa giải ở cơ sở: đạt từ 5 điểm trở lên

- Tiêu chí 5. Thực hiện dân chủ ở cơ sở: đạt từ 10 điểm trở lên

Trong trường hợp một hoặc một số chỉ tiêu của tiêu chí đạt dưới 50% số điểm tối đa, nhưng số điểm của cả tiêu chí đó không dưới 50% số điểm tối đa thì vẫn đáp ứng điều kiện này.

1.2. Tổng số điểm của các tiêu chí tiếp cận pháp luật phải đạt mức điểm chuẩn cụ thể như sau:

- Cấp xã loại I: đạt từ 90% số điểm tối đa trở lên (≥ 90 điểm)

- Cấp xã loại II: đạt từ 80% số điểm tối đa trở lên (≥ 80 điểm)

- Cấp xã loại III: đạt từ 70% số điểm tối đa trở lên (≥ 70 điểm)

Việc phân loại cấp xã loại I, loại II, loại III được thực hiện theo Nghị quyết số 12/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

1.3. Kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính (Chỉ tiêu 5 thuộc Tiêu chí 2) đạt từ 80% số điểm tối đa trở lên.

1.4. Trong năm không có cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ cảnh cáo trở lên do vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra.

- Hành vi vi phạm pháp luật trong thực thi công cụ là hành vi không thực hiện hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn không đúng quy định của pháp luật trong quá trình thực thi công vụ. Ví dụ: Xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt không đúng thẩm quyền….

- Hành vi công vụ trái pháp luật gây ra thiệt hại phải bồi thường được xác định trong quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

2. Thẩm quyền công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện).

II. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Thời hạn để rà soát, đánh giá, chấm điểm, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Việc rà soát, đánh giá, chấm điểm, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được tiến hành hằng năm, tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12.

Quy định này đảm bảo phù hợp với các quy định về thời điểm số liệu báo cáo, thống kê, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương tổng hợp thông tin, số liệu được thuận lợi. Tuy nhiên, thực hiện theo thời hạn trên, thời gian để cấp xã tiến hành tổng hợp, chấm điểm tương đối ngắn (hoàn thành trước 05/01 của năm liền kề sau năm đánh giá). Để bảo đảm đánh giá, chấm điểm thực hiện đúng thời hạn, tiến độ, tránh dồn việc vào công chức Tư pháp – Hộ tịch, hàng năm, công chức Tư pháp – Hộ tịch có thể tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể cho các công chức cấp xã theo dõi, chấm điểm và đề xuất các giải pháp thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật; thời hạn, tiến độ đánh giá, chấm điểm tiếp cận pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã

2.1. Bước 1: Công chức cấp xã được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật có trách nhiệm tự chấm điểm, gửi kết quả đến công chức Tư pháp – Hộ tịch theo yêu cầu và tiến độ được phê duyệt tại Kế hoạch.

Việc theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt năm đánh giá. Việc rà soát, tự chấm điểm của công chức cấp xã được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật nên hoàn thành và gửi kết quả đến công chức Tư pháp – Hộ tịch cấp xã trước ngày 31 tháng 12 năm đánh giá để đảm bảo đủ thời gian thực hiện các bước tiếp theo đúng tiến độ.

2.2. Bước 2: Công chức Tư pháp – Hộ tịch tổng hợp kết quả vào Bảng chấm điểm các tiêu chí tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở (Mẫu 01-TCPL-II). Sau khi tổng hợp kết quả tự chấm điểm, công chức Tư pháp – Hộ tịch chủ trì, phối hợp với các công chức được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật xây dựng dự thảo Báo cáo tự đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn xã, phường (Mẫu 05 -TCPL-II) và đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

2.3. Bước 3: Họp đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức họp đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Thành phần cuộc họp: Chủ trì cuộc họp là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không thể tham dự, thì cử một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì cuộc họp. Thành phần cuộc họp gồm: đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, công chức Tư pháp – Hộ tịch, các công chức cấp xã khác được giao theo dõi các tiêu

chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật (*Trưởng Công an, Văn phòng - thống kê, Địa chính, Tài chính - kế toán, Văn hoá - xã hội*).

- Nội dung cuộc họp: Công chức Tư pháp – Hộ tịch trình bày báo cáo tự đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Các thành viên tham dự cuộc họp cho ý kiến về kết quả tự chấm điểm các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật. Các công chức cấp xã được giao theo dõi các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật giải trình về kết quả theo dõi, tự chấm điểm về các chỉ tiêu, tiêu chí, đề xuất các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, cải thiện điều kiện tiếp cận pháp luật của người dân trên địa bàn. Sau đó, chủ trì cuộc họp kết luận.

2.4. Bước 4: Trên cơ sở kết quả đánh giá, nếu đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo công chức Tư pháp – Hộ tịch lập 01 bộ hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đến Phòng Tư pháp cấp huyện.

Hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bao gồm:

a) Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu 04 -TCPL-II);

b) Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm (Mẫu 01-TCPL-II);

c) Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân (Mẫu 03 -TCPL-II);

d) Công văn đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đối với trường hợp tự xét thấy đủ điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 05 - TCPL-II);

đ) Tài liệu khác (nếu có) như: Báo cáo, Kế hoạch, thông báo, quyết định…được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định, chứng minh mức độ tin cậy của việc đánh giá, tự chấm điểm từng chỉ tiêu, tiêu chí.

Trường hợp địa phương tự đánh giá và xét thấy không đủ điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì vẫn lập 01 bộ Hồ sơ tiếp cận pháp luật của cấp xã, chỉ bao gồm tài liệu nêu tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm đ. Trong báo cáo tự đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật phải nêu rõ lý do và đề xuất các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, cải thiện điều kiện tiếp cận pháp luật của người dân trên địa bàn.

2.5. Bước 5: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ gửi Phòng Tư pháp cấp huyện

Việc thực hiện trình tự, thủ tục rà soát, tự đánh giá và gửi hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã chuẩn tiếp cận pháp luật phải hoàn thành ***trước ngày 05/01 của năm liền kề sau năm đánh giá.***

3. Trình tự, thủ tục xem xét, công nhận xã, phường thị, trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp huyện

3.1. Bước 1: Phòng Tư pháp thẩm tra hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

- Trưởng phòng Tư pháp cử công chức tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ tiếp cận pháp luật của cấp xã. Trường hợp hồ sơ chưa có đủ các tài liệu theo quy định, công chức Phòng Tư pháp được phân công tiếp nhận hồ sơ báo ngay cho công chức Tư pháp – Hộ tịch cấp xã để kịp thời bổ sung.

- Phòng Tư pháp có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ. Trong quá trình thẩm tra hồ sơ, nếu xét thấy cần thiết, Phòng Tư pháp đề nghị cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân quận, huyện phối hợp thẩm tra, cho ý kiến liên quan đến lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

Trong quá trình thẩm tra hồ sơ, nếu thấy hồ sơ có nội dung chưa rõ, Phòng Tư pháp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bổ sung, làm rõ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu.

- Căn cứ vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị công nhận tiếp cận pháp luật của cấp xã, Phòng Tư pháp thực hiện những công việc sau đây:

+ Tổng hợp, lập dự thảo danh sách xã, phường, thị trấn đủ điều kiện được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 07 -TCPL-II) và danh sách xã, phường, thị trấn chưa đủ điều kiện được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 08 -TCPL-II).

+ Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật để xem xét, đánh giá địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

3.2. Bước 2: Hội đồng tiếp đánh giá tiếp cận pháp luật họp để xem xét, tư vấn đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

3.3. Bước 3: Căn cứ kết quả họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật, Phòng Tư pháp cấp huyện hoàn thiện danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và đề xuất các giải pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ***trước ngày 20 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá.***

3.4. Bước 4: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ***trước ngày 25 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá***; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) kết quả công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và các giải pháp đối với cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

4. Niêm yết kết quả đánh giá, công bố cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

4.1. Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết công khai kết quả chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật tại trụ sở làm việc, nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt cộng đồng của thôn, làng, ấp, bản, phum, sóc, tổ dân phố và cộng đồng dân cư khác và thông báo trên đài, loa truyền thanh cơ sở trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc tự chấm điểm.

Kết quả chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật dùng để niêm yết là kết quả tổng hợp sau cuộc họp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì đánh giá kết quả xây dựng cấp xã tiếp cận pháp luật và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký, gửi Phòng Tư pháp.

4.2. Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng/Trang tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công nhận.

4.3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng/Trang tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

QUY TRÌNH
ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM, CÔNG NHẬN CẤP XÃ
ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Các bước quy trình	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện
	CẤP XÃ		
Bước 1	Theo dõi, tự chấm điểm từng chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm đánh giá	Các công chức cấp xã được giao theo dõi chỉ tiêu, tiêu chí
Bước 2	- Tổng hợp kết quả tự chấm điểm - Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân; - Xây dựng dự thảo Báo cáo tự đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn xã, phường - Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận	02 ngày	Công chức Tư pháp – Hộ tịch

	pháp luật		
Bước 3	Tổ chức họp đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.	01 ngày	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã
Bước 4	Lập hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: + Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm; + Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân; + Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp xã; + Công văn đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đối với trường hợp tự xét thấy đủ điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.	1/2 ngày	Công chức tư pháp hộ tịch
Bước 5	Chỉnh lý, ký duyệt để gửi Hồ sơ đến Phòng tư pháp cấp huyện	1/2 ngày *(trước 05 tháng 01)*	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã
	Niêm yết kết quả tự chấm điểm	10 ngày	
	CẤP HUYỆN		
Bước 1	- Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ - Tổ chức thẩm tra hồ sơ tiếp cận pháp luật của cấp xã - Đề nghị cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp thẩm tra, cho ý kiến liên quan đến lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý (nếu cần thiết) - Tổng hợp, lập dự thảo danh sách xã, phường, thị trấn đủ điều kiện được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và danh sách xã, phường, thị trấn chưa đủ điều kiện được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật - Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật	10 ngày	Phòng Tư pháp chủ trì, cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp
	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giải trình, bổ sung hồ sơ (nếu cần thiết)	5 ngày	- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Bước 2	Tổ chức họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật	01 ngày *(Trước ngày 20/01)*	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện
Bước 3	- Hoàn thiện danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật - Hoàn thiện dự thảo báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và các giải pháp đối với cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn. - Xây dựng dự thảo Quyết định công nhậ cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	03 ngày	Phòng Tư pháp
Bước 4	Xem xét, ký Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và các giải pháp đối với cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.	02 ngày *(Trước ngày 25/01)*	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện
	Đăng tải danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng/Trang tin điện tử của địa phương	Chậm nhất 05 ngày kể từ ngày ký quyết định công nhận	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện
CẤP TỈNH	Đăng tải danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng/Trang tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Chậm nhất 05 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
	Chỉ đạo, quyết định giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hằng năm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trên địa bàn.		

C – HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở đã dành một điều cụ thể (Điều 11) quy định về Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật: *"Thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện và Ủy ban nhân dân xã, phường để tư vấn, giúp Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân các cấp đánh giá, công nhận, xếp hạng, biểu dương, khen thưởng địa phương đạt chuẩn và tiêu biểu về tiếp cận pháp luật theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Quy định này. Hội đồng hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số"*.

Tuy nhiên, quy định này chưa cụ thể về thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng và các thành viên Hội đồng cũng như cơ chế hoạt động và các điều kiện bảo đảm cho Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật thực hiện tốt chức năng vốn có. Để khắc phục nhược điểm này, Quyết định số 619/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 07/TT-BTP của Bộ Tư pháp đã quy định về Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật như sau:

1. Thẩm quyền thành lập Hội đồng

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật để tư vấn, giúp Chủ tịch tổ chức việc đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật gồm một lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch; Trưởng phòng Tư pháp làm Phó Chủ tịch.

Phòng Tư pháp tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật.

Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật chỉ được thành lập ở cấp huyện chứ không thành lập ở cấp xã, cấp tỉnh và ở Bộ Tư pháp như trước đây do việc đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật chỉ thực hiện ở cấp xã.

Sau khi được thành lập, Hội đồng cần ban hành Quy chế hoạt động, trong đó quy định nguyên tắc, phương thức hoạt động của Hội đồng, trách nhiệm của thành viên Hội đồng, hoạt động của Hội đồng và kinh phí bảo đảm. Tất cả các thành viên Hội đồng và các cơ quan, tổ chức có liên quan sẽ chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Thành phần:

Để thành lập được Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật, Phòng Tư pháp phải tham mưu, đề xuất thành viên Hội đồng với số lượng thành viên Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định, nhưng tối đa không quá 15 người, bao gồm:

2.1. Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

2.2. Phó Chủ tịch Hội đồng: Trưởng phòng Tư pháp;

2.3. Ủy viên Hội đồng: Đại diện lãnh đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan đến các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật, Công an cấp huyện, Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, Văn phòng Điều phối nông thôn mới (nếu có);

2.4. Thư ký Hội đồng: 01 công chức Phòng Tư pháp.

Trên cơ sở danh sách cử cán bộ tham dự thành viên Hội đồng của các cơ quan, tổ chức nêu trên, Phòng Tư pháp xây dựng Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký ban hành.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn

3.1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

Hội đồng có chức năng tư vấn, tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ:

a) Xem xét, đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

b) Trao đổi, đề xuất sáng kiến, giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và việc thực hiện các sáng kiến, giải pháp đó trong phạm vi địa phương nhằm duy trì bền vững kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí đối với xã đạt chuẩn, đồng thời có giải pháp khắc phục hạn chế và hướng đi phù hợp cho những xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

3.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng

Thành viên Hội đồng bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Mỗi thành viên với vị trí vai trò khác nhau, nhưng cùng phối hợp, đề cao trách nhiệm trong hoạt động đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

a) Nhiệm vụ của Ủy viên Hội đồng:

- Tư vấn, tham gia ý kiến về kết quả đánh giá và đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lĩnh vực được giao quản lý. Ý kiến của Ủy viên Hội đồng là ý kiến của cơ quan, tổ chức nơi công tác;

- Đề xuất sáng kiến, giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và tư vấn, tổ chức thực hiện sáng kiến, giải pháp đó;

- Tham dự đầy đủ cuộc họp Hội đồng. Trong trường hợp không thể tham dự cuộc họp mà có lý do chính đáng thì phải gửi ý kiến bằng văn bản về các nội dung cần xin ý kiến nếu trên để Phòng Tư pháp tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng.

b) Nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng:

Bên cạnh các nhiệm vụ của Ủy viên Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo, điều phối hoạt động chung của Hội đồng, cụ thể như sau:

- Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng; tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của Hội đồng.

- Chỉ đạo, điều phối chung hoạt động của Hội đồng; phân công nhiệm vụ cho Phó Chủ tịch và các Ủy viên Hội đồng.

- Triệu tập, chủ trì các phiên họp của Hội đồng; quyết định việc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng; kết luận về nội dung thảo luận tại các phiên họp Hội đồng.

- Ký văn bản thuộc nhiệm vụ của Hội đồng; duy trì mối quan hệ thường xuyên giữa các thành viên Hội đồng; thay mặt Hội đồng làm việc với các cơ quan tổ chức có liên quan.

- Tổ chức việc quản lý, sử dụng kinh phí, phương tiện phục vụ cho hoạt động của Hội đồng theo quy định của pháp luật.

c) Nhiệm vụ của Phó Chủ tịch Hội đồng:

Bên cạnh các nhiệm vụ của Ủy viên Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng còn có các nhiệm vụ sau:

- Chủ trì cuộc họp và thực hiện các công việc do Chủ tịch Hội đồng ủy quyền khi vắng mặt.

- Là thường trực Hội đồng, có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cuộc họp theo quy định gửi thành viên Hội đồng;

- Căn cứ kết luận của Hội đồng, chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tổng hợp đề xuất của thành viên Hội đồng để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định; tham mưu để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

4. Phiên họp Hội đồng

Hội đồng thực hiện nhiệm vụ của mình thông qua phiên họp toàn thể thành viên. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số bằng hình thức biểu quyết hoặc phiếu lấy ý kiến. Cuộc họp Hội đồng được tiến hành khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham dự. Tại cuộc họp, Phó Chủ tịch Hội đồng báo cáo về các nội dung cần xin ý kiến Hội đồng.

Các thành viên Hội đồng thảo luận, trình bày ý kiến, tư vấn về kết quả đánh giá và đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề xuất sáng kiến, giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Sau khi thảo luận, Hội đồng cho ý kiến về kết quả công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thông qua biểu quyết hoặc phiếu lấy ý kiến. Kết quả cuộc họp được lập thành biên bản có chữ ký xác nhận của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng theo mẫu Mẫu 06 -TCPL-II. Ý kiến của thành viên Hội đồng phải được tổng hợp đầy đủ, khách quan, trung thực trong biên bản cuộc họp.

5. Quan hệ công tác giữa Hội đồng, thành viên Hội đồng với Phòng Tư pháp cấp huyện

5.1. Bảo đảm sự phối hợp, trao đổi thông tin thông suốt giữa Ủy viên Hội đồng với Phòng Tư pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

5.2. Phòng Tư pháp là cơ quan thường trực Hội đồng có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cuộc họp theo quy định gửi thành viên Hội đồng chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp Hội đồng; tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp,

bổ sung thông tin, tài liệu cho Hội đồng về các nội dung cần yêu cầu giải trình, bổ sung làm rõ;

5.3. Căn cứ kết luận của Hội đồng, Phòng Tư pháp hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tổng hợp đề xuất của thành viên Hội đồng để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định; tham mưu để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

6. Kinh phí hoạt động của Hội đồng

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bảo đảm kinh phí, các điều kiện cần thiết để Hội đồng thực hiện các hoạt động phục vụ cho nhiệm vụ đánh giá, công nhận xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở. Theo đó, kinh phí được sử dụng cho các hoạt động như: tổ chức các cuộc họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật, báo cáo đánh giá, công nhận kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, chi văn phòng phẩm…

D – QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Nội dung xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Nội dung quản lý nhà nước về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bao gồm:

1.1. Xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật; chương trình, kế hoạch triển khai, thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

1.2. Tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, chính quyền các cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân về vị trí, vai trò, ý nghĩa của xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

1.3. Rà soát, đánh giá việc thực hiện tiêu chí tiếp cận pháp luật; công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề ra giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, cải thiện khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở.

1.4. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

1.5. Lồng ghép xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong chương trình, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh và xóa đói, giảm nghèo.

1.6. Sơ kết, tổng kết, thống kê, báo cáo, theo dõi kết quả, kiểm tra, khen thưởng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Đây là những nhiệm vụ mà Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện trong quá trình quản lý nhà nước về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, Quyết định 619/QĐ-TTg và Thông tư số 07/2017/TT-BTP quy định trách nhiệm cho các cơ quan, tổ chức có liên quan, như sau:

2.1. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

Bộ Tư pháp, cơ quan tham mưu giúp Chính phủ triển khai xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật có các trách nhiệm sau:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Quy định này; định kỳ tổng hợp kết quả, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

b) Hướng dẫn điểm số, cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật và biểu mẫu thực hiện đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; thành phần và hoạt động của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật.

c) Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật liên quan đến phạm vi quản lý; phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật chủ trì, tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2.2. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, thống kê, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật liên quan đến phạm vi quản lý.

Theo Quyết định 619/QĐ-TTg, các Bộ sau được Thủ tương Chính phủ giao trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, thống kê, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật liên quan đến phạm vi quản lý:

a) Bộ Tư pháp hướng dẫn điểm số, cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật và biểu mẫu thực hiện đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; thành phần và hoạt động của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật; hướng dẫn

tiêu chí 1 (Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật), trừ chỉ tiêu 2, chỉ tiêu 3; tiêu chí 3 (Phổ biến, giáo dục pháp luật) và tiêu chí 4 (Hòa giải ở cơ sở).

b) Bộ Nội vụ, các Bộ, ngành hướng dẫn tiêu chí 2 (thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã) theo lĩnh vực quản lý; tiêu chí 5 (Thực hiện dân chủ ở cơ sở); hướng dẫn kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là tiêu chí đánh giá đảng bộ, chính quyền cấp xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh" và tiêu chí đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm của chính quyền cấp xã.

c) Bộ Công an hướng dẫn chỉ tiêu 2 của tiêu chí 1: An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) trên địa bàn cấp xã được kiềm chế, có giảm so với năm trước.

d) Thanh tra Chính phủ hướng dẫn, theo dõi chỉ tiêu 3 tiêu chí 1 (về giải quyết khiếu nại tố cáo).

2.3. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho thành viên, hội viên; giám sát, phản biện xã hội, vận động thành viên, hội viên tham gia xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; giám sát kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính; phối hợp với cơ quan tư pháp cùng cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện Quyết định 619/QĐ-TTg.

2.4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

a) Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo, hướng dẫn triển khai xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định 619/QĐ-TTg tại địa phương, phân công cơ quan chuyên môn và công chức làm đầu mối theo dõi, tham mưu thực hiện; bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; định kỳ, đột xuất báo cáo kết quả với cơ quan có thẩm quyền.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong phạm vi quản lý; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương về Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định 619/QĐ-TTg. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, hướng dẫn công chức chuyên môn triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; chỉ đạo Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả việc xử lý, tổng

hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

d) Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch là đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Quy định này.

3. Kinh phí xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

3.1. Nguồn kinh phí

Kinh phí bảo đảm cho nhiệm vụ quản lý nhà nước về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được cấp từ các nguồn sau:

- Được bảo đảm, bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hàng năm của các cơ quan, tổ chức liên quan và các địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn kinh phí này bảo đảm cho các hoạt động quản lý nhà nước như: chỉ đạo, điều hành, tập huấn, kiểm tra, khảo sát, … Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ưu tiên bố trí kinh phí để hỗ trợ cấp xã còn nhiều chỉ tiêu, tiêu chí chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Từ nguồn xã hội hóa hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân. Nguồn kinh phí này có thể sử dụng cho hoạt động quản lý nhà nước hoặc hỗ trợ trực tiếp đến hoạt động xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật như: cấp phát tài liệu, hỗ trợ mô hình điểm xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật…

3.2. Căn cứ đề xuất kinh phí

- Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

- Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020.

- Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

- Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động phổ

biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Trách nhiệm thực hiện

Các cơ quan Tư pháp (Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp – Hộ tịch) tham mưu xây dựng dự toán kinh phí xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện, thanh quyết toán. Bên cạnh đó, hằng năm, trên cơ sở rà soát nhiệm vụ thực hiện tiêu chí xã tiếp cận pháp luật trong xây dựng nông thôn mới, các cơ quan Tư pháp đề xuất kinh phí với cơ quan chủ trì nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (văn phòng điều phối nông thôn mới) để bổ sung kinh phí cho thực hiện nhiệm vụ.

E – XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT TRONG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI

1. Vị trí của tiêu chí tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020

Nhận thức được vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vấn đề xây dựng nông thôn mới được Đảng, Nhà nước ta quan tâm, coi trọng. Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khóa X đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nghị quyết đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp nhằm xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, đồng thời phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển các đô thị; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, nhất là vùng khó khăn… và xác định rõ giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Thể chế hóa chủ trương của Đảng, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó xác định nhiệm vụ xây dựng *"Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới"* với nội dung chính là xây dựng, tổ chức cuộc sống của dân cư nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại, giữ gìn bản sắc văn hóa và môi trường sinh thái gắn với phát

triển đô thị, thị trấn, thị tứ. Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn phù hợp quy hoạch không gian xây dựng làng (ấp, thôn, bản), xã và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương; kết hợp giữa hỗ trợ của Nhà nước với phát huy nội lực của cộng đồng dân cư nông thôn. Nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực và tổ chức tốt đời sống văn hóa cơ sở. Xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp với yêu cầu của nền nông nghiệp hiện đại, sản xuất hàng hóa gồm cả nông nghiệp và phi nông nghiệp, thực hiện "mỗi làng một nghề".

Trước yêu cầu đó, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới (một số tiêu chí được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013) và Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010- 2020. Mục tiêu của Chương trình nhằm xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Bộ tiêu chí được thực hiện để đánh giá, xây dựng xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2015 gồm 19 tiêu chí và 39 chỉ tiêu thành phần, trong đó phần lớn các tiêu chí, chỉ tiêu về hạ tầng, cơ sở vật chất; ít các tiêu chí, chỉ tiêu về văn hóa, ***không có*** tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật. Điều đó thể hiện tinh thần thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất đi trước một bước, phù hợp với giai đoạn trước.

Tuy nhiên, bước sang giai đoạn 2016 – 2020, trước yêu cầu xây dựng nông thôn mới gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thi hành công vụ của chính quyền các cấp ở địa phương, thực hiện tốt quyền con người, quyền công dân, ngày 16/8/2016 Thủ tướng Chính phủ đã ký, ban hành Quyết định số 1600/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 (sau đây gọi là Quyết định số 1600/QĐ-TTg) với mục tiêu tổng quát *"Xây dựng nông thôn mới để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững"*. Bộ Tư pháp được Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì, hướng dẫn thực hiện *"đánh giá, công nhận, xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân"* trong nội dung thành phần thứ 9 về "Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị -

xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân".

Ngày 17/10/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1980/QĐ-TTg về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 (sau đây gọi là Quyết định số 1980/QĐ-TTg), theo đó, Bộ Tư pháp được giao chủ trì, hướng dẫn tiêu chí thành phần 18.5[8] về *"Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định"*. Bộ tiêu chí đã cụ thể hóa nội dung định hướng xây dựng xã nông thôn mới thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; là căn cứ để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020, là chuẩn mực để các xã lập kế hoạch phấn đấu đạt 19 tiêu chí nông thôn mới. Bên cạnh đó, Bộ tiêu chí cũng là căn cứ để chỉ đạo, đánh giá công nhận xã đạt nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và đánh giá trách nhiệm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền xã trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 gồm 5 nhóm tiêu chí, 19 tiêu chí, 49 chỉ tiêu (tăng hơn 10 chỉ tiêu thành phần so với Bộ tiêu chí giai đoạn 2010 – 2015), cụ thể như sau:

1. Nhóm tiêu chí quy hoạch gồm tiêu chí quy hoạch với 02 chỉ tiêu;

2. Nhóm tiêu chí hạ tầng kinh tế - xã hội gồm 08 tiêu chí: Giao thông; Thủy lợi; Điện; Trường học; Cơ sở vật chất văn hóa; Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Thông tin và Truyền thông; Nhà ở và dân cư với 19 chỉ tiêu;

3. Nhóm tiêu chí kinh tế và tổ chức sản suất gồm 04 tiêu chí: Thu nhập; Hộ nghèo; Lao động có việc làm và Tổ chức sản xuất với 05 chỉ tiêu;

4. Nhóm tiêu chí văn hóa – xã hội – môi trường gồm 04 tiêu chí: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Văn hóa; Môi trường và An toàn thực phẩm với 15 chỉ tiêu;

5. Nhóm tiêu chí hệ thống chính trị gồm 02 tiêu chí: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; Quốc phòng và An ninh với 08 chỉ tiêu, trong đó nội dung tiếp cận pháp luật là chỉ tiêu số 5 của tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: *"18.5[9]. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định"*.

[8] Trên địa bàn Thành phố là tiêu chí thành phần 18.6 trong Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020 quy định tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố: số 6182/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 và số 5039/QĐ-UBND ngày 09/11/2018)

[9] Trên địa bàn Thành phố là tiêu chí thành phần 18.6 trong Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020 quy định tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố: số 6182/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 và số 5039/QĐ-UBND ngày 09/11/2018)

Như vậy, một trong những điểm mới quan trọng của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 là đã bổ sung vào tiêu chí thứ 18 "Hệ thống chính trị và pháp luật" tiêu chí thành phần 18.5[10] về *"Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định"*. Lần đầu tiên chuẩn tiếp cận pháp luật được xác định và trở thành một trong nội dung của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020[11]. Điều đó có nghĩa là kết quả xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là tiêu chí đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng nhằm gắn kết, thực hiện toàn diện các mục tiêu, nội dung xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở, nâng cao nhận thức pháp luật, giáo dục ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân, đồng thời tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền xã; đáp ứng yêu cầu tăng cường quản lý xã hội bằng pháp luật, khẳng định vai trò của pháp luật và ngành Tư pháp trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ ký, ban hành Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, trong đó quy định về các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, nội dung xây dựng, thẩm quyền, quy trình và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Để hướng dẫn thực hiện cụ thể Quyết định số 619/QĐ-TTg, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 07/2017/TT-BTP hướng dẫn điểm số, cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật là căn cứ để xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích và nâng cao năng lực tiếp cận pháp luật cho người dân, thúc đẩy thực hiện toàn diện mục tiêu cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân mà Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới đề ra. Điểm cần lưu ý ở đây là Quyết định số 619/QĐ-TTg quy định việc xây dựng, đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật không chỉ đối với các xã mà áp dụng cho cả các phường và thị trấn trong cả nước. Vì vậy, đối với các xã đăng ký xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới thì khi đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cần đặt trong tổng thể

[10] trên địa bàn Thành phố là tiêu chí thành phần 18.6 trong Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020 quy định tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố: số 6182/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 và số 5039/QĐ-UBND ngày 09/11/2018)

[11] Đây là 1 trong 10 sự kiện nổi bật của Ngành Tư pháp năm 2016 được ghi nhận tại Quyết định số 2700/QĐ-BTP ngày 31/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt và công bố 10 sự kiện nổi bật năm 2016 của Ngành Tư pháp

các quy định về xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới, đảm bảo gắn kết, đồng bộ, thống nhất các nhiệm vụ được giao.

2. Mục đích, yêu cầu của việc đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong xây dựng, đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới

2.1. Mục đích

Ngày 24/01/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg Quy định về chuẩn tiếp cận của người dân tại cơ sở (Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg). Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở gồm 8 tiêu chí và 41 chỉ tiêu là công cụ để đánh giá hệ thống, đồng bộ, toàn diện thực trạng tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở. Từ kết quả đánh giá, chính quyền các cấp có điều kiện nắm bắt, nhìn nhận toàn diện hơn về thực trạng, những khó khăn, vướng mắc trong triển khai nhiệm vụ về giải quyết các vụ việc hành chính - tư pháp; phổ biến, giáo dục pháp luật; trợ giúp pháp lý; thực hiện dân chủ cơ sở; hoạt động của các thiết chế tiếp cận pháp luật; thực trạng thực thi pháp luật của người dân tại cơ sở để có biện pháp khắc phục, thực hiện các nhiệm vụ đó hiệu quả hơn. Đồng thời, có điều kiện nhận diện và khắc phục hạn chế, yếu kém trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, góp phần vào sự phát triển ổn định, bền vững, dân chủ, hiện đại, văn minh trong đời sống nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Nghị quyết số 28-NQ/TW và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013. Việc đánh giá địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cũng giúp cán bộ, công chức có điều kiện nhìn nhận để thấy ưu điểm, hạn chế trong thực thi công vụ, từ đó có biện pháp khắc phục, tăng cường kỷ cương, kỷ luật, nâng cao ý thức, trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân; đồng thời đề xuất, kiến nghị giải pháp hoàn thiện thể chế, pháp luật, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường pháp lý, hỗ trợ, tạo điều kiện để cá nhân, tổ chức tiếp cận, sử dụng pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

Sau thời gian triển khai Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg cho thấy, việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật và nhiệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo có tác động sâu sắc đến nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; gắn với ổn định đời sống chính trị - pháp lý ở nông thôn; đảm bảo an ninh, quốc phòng; nâng cao trách nhiệm của chính quyền cơ sở trong thi hành pháp luật, thực thi công vụ; góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; bảo đảm, phát huy đầy đủ quyền con người, quyền công dân, đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật. Đặc biệt là những tác động, hiệu quả tích cực mà nhiệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đã mang lại đối với công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật

ở cơ sở, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh địa phương và đất nước. Thực tiễn đó đã chứng minh việc bổ sung tiêu chí tiếp cận pháp luật vào Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng. Chính vì thế, trong giai đoạn 2016 – 2020, việc đánh giá "xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật" chính thức được thể chế hóa và là một chỉ tiêu thành phần của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

Việc đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong tổng thể đánh giá, xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới tại địa phương đã tạo cơ sở, động lực góp phần thúc đẩy thực hiện toàn diện mục tiêu xây dựng nông thôn mới, đó là cải thiện và cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần của người dân nông thôn, trong đó có văn hóa pháp luật, giáo dục ý thức tuân thủ, chấp hành Hiến pháp và pháp luật, xây dựng nếp sống văn minh tại cộng đồng dân cư, đề cao vai trò người dân trong quản lý xã hội, góp phần giữ vững an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội để nông thôn mới phát triển bền vững và toàn diện, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần, pháp luật của người dân tại cơ sở.

Việc bổ sung tiêu chí tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã còn nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của các chính sách trong hệ thống pháp luật; việc lựa chọn, xây dựng và đưa các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật phù hợp vào Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới bảo đảm tính toàn diện, đồng bộ và góp phần hoàn thiện, nâng cao chất lượng Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg và làm thử việc đánh giá, công nhận địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại 05 tỉnh, thành phố[12], thực tiễn đã xuất hiện hiện tượng xã được công nhận đạt nông thôn mới song lại chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật như tại Điện Biên, Thái Bình[13] do chưa gắn kết nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật với xây dựng nông thôn mới. Vì vậy, nếu gắn kết hai nhiệm vụ này với nhau sẽ khắc phục những hạn chế, bất cập từ thực tiễn triển khai nhiệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, khắc phục tình trạng xã đạt nông thôn mới nhưng lại không đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bởi sau khi lồng ghép thực hiện thì xã đạt chuẩn nông thôn mới thì phải đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; từ đó, giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở.

Bên cạnh đó, việc triển khai gắn kết nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và xã đạt chuẩn nông thôn mới còn nhằm tận dụng, tiết kiệm nguồn lực của nhà nước khi tổ chức triển khai; hơn nữa, các địa phương cũng sẽ

[12] Theo Công văn số 4793/VPCP-PL ngày 27/6/2013, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo tạm dừng việc thực hiện Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg và chỉ đạo làm thử việc đánh giá, công nhận địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại 05 tỉnh, thành phố bao gồm Cà Mau, Điện Biên, Quảng Bình, Thái Bình và TP. Hồ Chí Minh

[13] Theo Báo cáo số 164/BC-BTP ngày 04/7/2016 của Bộ Tư pháp về tổng kết 03 năm triển khai thực hiện Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 và 02 năm triển khai làm thử việc đánh giá, công nhận địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới

nhanh chóng nắm bắt được nội dung để tổ chức triển khai thực hiện tiêu chí tiếp cận pháp luật do đã tương đối quen thuộc với phương thức tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới.

2.2. Yêu cầu

a) Khẳng định và nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò, ý nghĩa của tiếp cận pháp luật trong tổng thể các chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới, nâng cao năng lực tiếp cận pháp luật cho người dân để thực hiện, bảo vệ các quyền con người, quyền công dân; xây dựng, phát triển con người nông thôn mới toàn diện đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

b) Việc đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới và triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới (về điều kiện, trình tự, thủ tục...xét, công nhận, kinh phí, nguồn lực triển khai thực hiện).

c) Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, trong đó ngành Tư pháp giữ vai trò nòng cốt, chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong tổng thể xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới.

d) Việc xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đặt trong tổng thể nguồn lực đầu tư xây dựng nông thôn mới; ưu tiên bố trí kinh phí để hỗ trợ xã còn nhiều chỉ tiêu, tiêu chí chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

3. Biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới

Việc đánh giá, công nhận, xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn kết với xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới là một nhiệm vụ mới, vì vậy, để triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ này, cần bảo đảm các điều kiện sau đây:

3.1. Thực hiện quán triệt, phổ biến, truyền thông để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nói chung, xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nói riêng

Các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư cần nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò, ý nghĩa của việc triển khai xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với đánh giá, xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới để từ đó thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ có liên quan, tổ chức thực thi tốt các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Căn cứ vào điều kiện thực tiễn của mỗi địa phương, hoạt động quán triệt, phổ biến, thông tin, truyền thông có thể thực hiện thông qua các phương tiện

thông tin đại chúng như: tổ chức các chương trình, phóng sự truyền thông trên Đài Phát thanh, Truyền hình; mở chuyên mục, đăng tải tin, bài trên các báo viết, báo điện tử, trang tin điện tử hoặc các hình thức phù hợp khác như: lồng ghép trong các hội nghị, hội thảo, tập huấn …Thông qua đó, phổ biến, quán triệt sâu sắc nội dung, nhiệm vụ, quy định của Đảng, Nhà nước về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới đến toàn thể cán bộ, công chức và nhân dân mà trước hết là đội ngũ công chức đầu mối, trực tiếp được giao thực hiện nhiệm vụ đánh giá, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật .

Việc thực hiện tốt các hoạt động thông tin, truyền thông nhằm thống nhất nhận thức, nâng cao trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn và tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, không phô trương, hình thức.

3.2. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động xác định nội dung công việc cần triển khai, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng đầu mối thực hiện

Bám sát nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg, Quyết định số 1980/QĐ-TTg, Quyết định số 619/QĐ-TTg, Thông tư số 07/2017/TT-BTP và các văn bản có liên quan, căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp cần xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận gắn với xây dựng nông thôn mới, trong đó xác định các nhiệm vụ/hoạt động cần triển khai, phân công đầu mối, giao nhiệm vụ cho cơ quan chuyên môn, công chức đầu mối tham mưu việc đạo, hướng dẫn, theo dõi, quy định các điều kiện cần thiết (về nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí)....Kế hoạch đảm bảo những nội dung sau:

a) Đối với Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

- Các hoạt động quán triệt, truyền thông bằng hình thức cụ thể đề cập tại mục 3.1; việc tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, tọa đàm (nếu có) căn cứ điều kiện thực tiễn địa phương.

- Việc chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện nhiệm vụ đánh giá, chấm điểm, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề ra giải pháp khắc phục, cải thiện, tổ chức thực hiện có hiệu quả các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật.

- Chỉ đạo rà soát, đề xuất, sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan tư pháp địa phương; chỉ đạo rà soát, xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định về kinh phí và mức chi cho nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

- Phân công nhiệm vụ cho các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong đó giao Sở Tư pháp là đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn triển khai nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh, thành phố;

- Quy định và hướng dẫn cụ thể theo thẩm quyền kinh phí và mức chi cho nhiệm vụ cấp xã địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Việc tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh, thành phố;

b) Đối với Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Việc chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ tự đánh giá, chấm điểm; đề ra giải pháp khắc phục, cải thiện, tổ chức thực hiện có hiệu quả các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Phân công nhiệm vụ cho các Phòng, ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể; giao Phòng Tư pháp là đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện việc đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Việc thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật, xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng; việc thẩm tra, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Quy định về bảo đảm kinh phí và mức chi cho nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Việc tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn cấp huyện.

c) Đối với Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Việc triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Phân công cụ thể trách nhiệm theo dõi, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật cho 07 chức danh công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã; giao công chức Tư pháp – Hộ tịch là đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Việc tổ chức thực hiện đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã.

- Về kinh phí tổ chức thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước;

- Các vấn đề khác (nếu có).

3.3. Kiện toàn, nâng cao năng lực nghiệp vụ cho đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Sau khi rà soát, bổ sung nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và việc thực hiện chỉ tiêu "xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật" của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trong Quyết định của Ủy ban nhân dân quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan tư pháp địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp cần kiện toàn, bố trí công chức quản lý và công chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này để đảm bảo nguồn lực tham mưu thực hiện tốt nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp quản lý nhà nước về xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận gắn với xây dựng xã nông thôn mới.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và điều kiện thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ đánh giá, chấm điểm các tiêu chí tiếp cận pháp luật và công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, xã đạt chuẩn nông thôn mới cho đội ngũ cán bộ, công chức được giao theo dõi, triển khai đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới. Qua đó nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ, chất lượng nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn pháp luật, góp phần vào việc thực hiện thành công nhiệm vụ này.

3.4. Bố trí kinh phí triển khai nhiệm vụ được giao

a) Nguồn vốn, kinh phí thực hiện

Kinh phí xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được bảo đảm, bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hàng năm của các cơ quan, tổ chức liên quan và các địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ưu tiên bố trí kinh phí để hỗ trợ cấp xã còn nhiều chỉ tiêu, tiêu chí chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành. Ngoài ra, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Đối với các xã thực hiện xét công nhận, xây dựng nông thôn mới thì nguồn kinh phí cho nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được cấp chung trong tổng thể nguồn vốn triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới. Sở Tư pháp phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban

nhân dân và Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh cấp kinh phí tổ chức triển khai thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật và xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong tổng thể kinh phí xây dựng nông thôn mới để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ để làm căn cứ chỉ đạo, điều hành cụ thể.

b) Cơ chế quản lý, sử dụng vốn, kinh phí

Việc phân bổ, cơ chế lập, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán vốn, kinh phí của nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thực hiện thống nhất với các quy định về xây dựng nông thôn mới. Khi đề xuất, lập dự toán kinh phí triển khai thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới cần căn cứ vào các văn bản sau:

- Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

- Luật Đầu tư công năm 2013;

- Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

- Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020;

- Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020; Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02/12/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011;

- Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở..v.v..

3.5. Tổ chức kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá thực tiễn thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo chức năng, nhiệm vụ được giao gắn với xây dựng nông thôn mới

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân cấp các cấp tổ chức kiểm tra, giám sát và tổ chức sơ kết, tổng kết nhằm đánh giá kết quả triển

khai thực hiện nhiệm vụ đối với Ủy ban nhân dân cấp dưới để kịp thời phát hiện những vướng mắc, bất cập, vấn đề mới phát sinh, từ đó có giải pháp khắc phục; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoàn thiện thể chế, chính sách về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đảm bảo gắn kết, thống nhất, đồng bộ với các chủ trương, chính sách về xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận trên địa bàn (trình tự, thủ tục, thời hạn, hồ sơ đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, hoạt động của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật, điều kiện bảo đảm…), kịp thời phát hiện và hướng dẫn giải quyết những khó khăn, bất cập.

Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã trên địa bàn, tập trung vào nhiệm vụ tự đánh giá, chấm điểm của cấp xã, thời hạn, trình tự, thủ tục đánh giá…; đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các sáng kiến, giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp cận pháp luật của người dân trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân cấp xã cần quan tâm kiểm tra việc theo dõi, tự đánh giá, chấm điểm của công chức chuyên môn được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật đảm bảo thực chất, khách quan; chỉ đạo, hướng dẫn công chức chuyên môn đề xuất các giải pháp khắc phục, cải thiện, thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật trong phạm vi nhiệm vụ được giao phù hợp điều kiện đặc thù của địa bàn cấp xã.

Phần III

TÌNH HÌNH ĐÁNH GIÁ ĐỊA PHƯƠNG ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2017 VÀ NHỮNG VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP, KIẾN NGHỊ

I. Kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

1. Kết quả đạt được

1.1. Tình hình triển khai các hoạt động xây dựng xã, phường, thị trấn, quận, huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn Thành phố

a) Công tác hướng dẫn, chỉ đạo triển khai

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (gọi tắt là Quyết định 619/QĐ-TTg); Thông tư số 07/2017/TT-BTP quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (gọi tắt Thông tư số 07/2017/TT-BTP); Quyết định số 6182/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới đặc thù vùng nông thôn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 – 2020, và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tư pháp đã ban hành các văn bản hướng dẫn:

- Công văn số 7394/STP-PBGDPL ngày 03/8/2017 của Sở Tư pháp hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, huyện, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật quận, huyện, Phòng Tư pháp quận, huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan về việc hướng dẫn xây dựng xã, phường thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 12562/VP-PCNC ngày 27 tháng 9 năm 2017 về triển khai thực hiện quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Sở Tư pháp và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Công văn số 17828/STP-PBGDPL ngày 27/10/2017 của Sở Tư pháp hướng dẫn Sở, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện công tác chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn Thành phố,

đồng thời, chọn điểm 01 xã/thị trấn (huyện), phường (quận) trên địa bàn Thành phố để chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng, triển khai mô hình điểm xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Năm 2017 chọn xã Phước Lộc, huyện Củ Chi và phường 9 quận 4.

- Kế hoạch số 10540/KH-STP-PBGDPL ngày 19/10/2017 của Sở Tư pháp về việc tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2017.

- Công văn số 20574/STP-PBGDPL ngày 27/12/2017 gửi các cơ quan, đơn vị có liên quan (*Ban Tuyên giáo Thành ủy; Ban Dân vận Thành ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP; Sở Nội vụ; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông; Thanh tra Thành phố; Công an Thành phố; Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố*) đề nghị cử Lãnh đạo và cán bộ, công chức làm đầu mối tham gia công tác tiếp cận pháp luật trên địa bàn Thành phố.

b) Công tác triển khai đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

Căn cứ các văn bản hướng dẫn liên quan đến công tác đánh giá tiếp cận pháp luật của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân quận, huyện đã chủ động xây dựng kế hoạch để triển khai công tác chuẩn tiếp cận tại địa phương. Phòng Tư pháp là đơn vị trực tiếp tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận, huyện việc triển khai và thực hiện các quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở. Theo đó, Ủy ban nhân dân quận, huyện đã chủ động nhân bản tài liệu và triển khai chủ trương chung của Trung ương và Thành phố cho lãnh đạo và công chức có liên quan; đồng thời quán triệt vai trò của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong việc thực hiện các thiết chế để đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đã tổ chức triển khai, phổ biến, quán triệt, giới thiệu đến cán bộ, công chức, đảng viên và Nhân dân bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú các quy định của Quyết định 619/QĐ-TTg; nghiên cứu các tiêu chí và chỉ tiêu, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định 619/QĐ-TTg; chỉ đạo, hướng dẫn, phân công công chức chuyên môn theo dõi các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật; tổ chức đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, phân công công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã chủ trì, phối hợp công chức Tư pháp – Hộ tịch tổ chức đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, tham mưu, đề xuất các giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; giải pháp đối với cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn, phối hợp, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thực hiện giám sát kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã.

Sau khi nhận hồ sơ tiếp cận pháp luật của Ủy ban nhân dân quận, huyện, Sở Tư pháp đã thẩm tra, đề nghị quận, huyện bổ sung hồ sơ, làm rõ những nội dung có liên quan (nếu có) và thống kê lập danh sách kết quả đánh giá công

nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Tại các Ủy ban nhân dân phường 9 quận 4, Ủy ban nhân dân xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè (đơn vị được chọn điểm để chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng, triển khai mô hình điểm xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật), Sở Tư pháp đã tập trung triển khai, tập huấn, nắm bắt thông tin, kịp thời hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá tiếp cận pháp luật tại hai đơn vị chỉ đạo điểm; tham dự cuộc họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật quận 4, huyện Nhà Bè qua đó kịp thời nắm bắt các khó khăn, vướng mắc của địa phương. Kết quả tại đơn vị chọn điểm, Ủy ban nhân dân phường 9 quận 4 đạt 98 điểm đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2017 (Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 4), xã Phước Lộc đạt 93.5 điểm đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2017 (Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)

1.2. Kết quả thẩm tra, đánh giá hồ sơ của xã, phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố

Năm 2017, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành đánh giá đối với 23/24 quận, huyện và 319/322 phường, xã, thị trấn (Quận 2 có 03 phường bị giải tỏa trắng, không thực hiện việc đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật từ năm 2014 đến nay)

Kết quả như sau: có 300/319 phường, xã, thị trấn (tỷ lệ 90,04%) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2017; 19/319 phường, xã, thị trấn chưa đạt chuẩn (tỷ lệ 9,96%). Kết quả thống kê như sau:

STT	TÊN QUẬN-HUYỆN	SỐ PHƯỜNG, XÃ, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN NĂM 2017	SỐ PHƯỜNG, XÃ, THỊ TRẤN CHƯA ĐẠT CHUẨN NĂM 2017	TỶ LỆ PHƯỜNG, XÃ, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN NĂM 2017
1	Quận 1	09	01 (phường Nguyễn Thái Bình)	90%
2	Quận 2	08	00	100%
3	Quận 3	14	0	100%
4	Quận 4	15	0	100%
5	Quận 5	14	01 (phường 8)	100%
6	Quận 6	13	01 (phường 10)	100%
7	Quận 7	09	01 (phường Tân Hưng)	90%
8	Quận 8	16	0	100%
9	Quận 9	13	0	100%
10	Quận 10	15	0	100%
11	Quận 11	16	0	100%
12	Quận 12	11	0	100%
13	Quận Bình Tân	07	03	70%

			(phường: Bình Trị Đông A, An Lạc, Bình Hưng Hòa B)	
14	Quận Phú Nhuận	15	0	100%
15	Quận Gò Vấp	15	01 (phường 13)	93.75%
16	Quận Bình Thạnh	18	02 (phường: 22, 27)	90%
17	Quận Tân Phú	10	01 (phường Tây Thạnh)	90.9%
18	Quận Tân Bình	14	01 (phường 2)	100%
19	Quận Thủ Đức	12	0	100%
20	Huyện Nhà Bè	07	0	100%
21	Huyện Hóc Môn	11	01 (xã Xuân Thới Thượng)	91.67%
22	Huyện Cần Giờ	07	0	100%
23	Huyện Bình Chánh	15	01 (xã Vĩnh Lộc B)	93.75%
24	Huyện Củ Chi	16	05 (xã Nhuận Đức, Trung An, Bình Mỹ, Tân Thạnh Tây; Thị trấn Củ Chi)	100%
Tổng cộng		**300**	**19**	

Nhìn chung, các phường, xã, thị trấn, quận, huyện đã đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật nghiêm túc, chặt chẽ, một số quận, huyện có phân tích, đánh giá tình hình, lý do trừ điểm, không công nhận điểm, đảm bảo thành phần hồ sơ, biểu mẫu theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Trong công tác đánh giá tiếp cận pháp luật, các địa phương đã phân tích rõ nguyên nhân và biện pháp khắc phục những chỉ tiêu chưa đạt hoặc đạt điểm thấp, có phân tích lý do trừ điểm hoặc không công nhận điểm và nguyên nhân của các hạn chế dẫn đến không đạt điểm, ảnh hưởng đến việc đề ra các biện pháp cải thiện hoặc phát hiện những điểm bất cập của Quyết định 619/QĐ-TTg trong thực tiễn tại cơ sở để đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

1.3. Xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố năm 2017

Năm 2017 là năm đầu triển khai thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với xây dựng nông thôn mới. Trên cơ sở Quyết định 619/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ Tư pháp và căn cứ Công văn số 17828/STP-PBGDPL ngày 27/10/2017 của Sở Tư pháp hướng dẫn Sở, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện công tác chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn Thành phố gắn với thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017 và những năm tiếp theo trên địa bàn Thành phố, tại địa bàn 05 huyện (Nhà Bè, Cần Giờ, Củ Chi, Bình Chánh, Hóc Môn), Phòng Tư pháp các huyện đã tham mưu cho Ủy

ban nhân dân huyện ban hành kế hoạch công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, tổ chức quán triệt triển khai, tuyên truyền, phổ biến, tập huấn nghiệp vụ đánh giá tiếp cận pháp luật cho đội ngũ lãnh đạo Phòng Tư pháp, công chức tư pháp - hộ tịch các xã trên địa bàn tỉnh, qua đó giúp mỗi cá nhân, đơn vị nhận thức rõ trách nhiệm, nhiệm vụ để triển khai thực hiện tại cơ sở đạt hiệu quả. Sở Tư pháp đã kịp thời đề xuất một đồng lãnh đạo Sở Tư pháp tham gia làm thành viên Ban Chỉ đạo của Thành ủy về Chương trình xây dựng nông thôn mới (Quyết định số 1623-QĐ/TU ngày 23/4/2018 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh).

Do thời điểm đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và xã đạt chuẩn nông thôn mới không trùng nhau; năm 2017 là năm đầu tiên thực hiện Quyết định số 619/QĐ-TTg, vì vậy để kịp thời phục vụ việc xét, công nhận cấp xã về đích nông thôn mới vào tháng 12/2017, Sở Tư pháp đã hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện căn cứ vào Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 619/QĐ-TTg, kết quả thực tế triển khai các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật đạt được trong năm (tính từ 01/01/2017 đến thời điểm đánh giá nông thôn mới) để đánh giá và ước thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí đến hết 31/12/2017. Trường hợp xét thấy xã có đủ điều kiện để được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì xét đề nghị công nhận xã về đích nông thôn mới; trường hợp xã chưa đủ điều kiện đề nghị công nhận thì tập trung chỉ đạo, đề ra các giải pháp cụ thể để hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật còn chưa đạt để bảo đảm tiến độ theo kế hoạch của địa phương.

Qua thống kê, năm 2017, huyện Nhà Bè và huyện Cần Giờ có 100% xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Huyện Hóc Môn có 09/10 xã đạt chuẩn tiếp cận (đạt tỷ lệ 90%); huyện Củ Chi có 16/20 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (đạt tỷ lệ 80%) ; huyện Bình Chánh có 13/14 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (đạt tỷ lệ 92.86%).

2. Những vướng mắc, bất cập trong việc thực hiện Quyết định số 619/QĐ-TTg năm 2017

- Về thời hạn thực hiện quy trình đánh giá: Theo quy định, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải hoàn thành hồ sơ đề nghị công nhận phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gửi về Phòng Tư pháp trước ngày 05/01/2018. Trong khi việc đánh giá phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được tính từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 31/12/2017. Như vậy, chỉ có 05 ngày (trong đó chỉ có 03 ngày làm việc) để hoàn thành hồ sơ, quy định này rất khó hoàn thành trên thực tế.

- Về Phiếu lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính: Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, quy định số lượng đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng hằng năm của mỗi phường tối thiểu phải đạt từ 15% trở lên số lượt thủ tục hành chính tại phường đã được giải quyết và trả kết quả của năm trước liền kề năm đánh giá. Như vậy, việc thực hiện phiếu lấy ý kiến theo quy định này chỉ có thể thực hiện trong 3 tháng cuối năm

2017. Việc đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính theo Chỉ tiêu 5, Tiêu chí 2 thì đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng hàng năm phải đạt từ 15% trở lên số lượt thủ tục hành chính tại cấp xã đã được giải quyết và trả kết quả của năm trước liền kề năm đánh giá. Tuy nhiên, do đa số người dân khi thực hiện thủ tục thường không thực hiện đánh giá vào phiếu lấy ý kiến nên việc đảm bảo tỷ lệ 15% trở lên cho năm đánh giá năm 2017 gặp ít nhiều khó khăn.

- Nội dung 2, Chỉ tiêu 2, Tiêu chí 1: "Tình hình an ninh chinh trị được bảo đảm, không để xảy ra trọng án trên địa bàn cấp xã". Hiện nay, trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tình hình tội phạm diễn biến phức tạp, có trường hợp địa bàn cấp xã xảy ra trọng án, nhưng với sự phối hợp của các cơ quan chức năng, vụ án đã được kịp thời khám phá, hung thủ gây án nhanh chóng được bắt giữ . Với thành tích xuất như trên, đơn vị quận, huyện, xã, phường, thị trấn được Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời khen thưởng đột xuất thành tích truy bắt tội phạm. Trong trường hợp này, nếu trừ điểm theo quy định, thì chưa kịp thời động viên, khuyến khích các cá nhân, tổ chức trong phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm, vận động mọi người bảo vệ an ninh Tổ quốc, chấp hành pháp luật.

- Nội dung 4, Chỉ tiêu 2, Tiêu chí 1 có quy định: "Tăng tội phạm và tệ nạn xã hội so với năm trước liền kề năm đánh giá bị 0 điểm và còn bị trừ 0,25 điểm". Tuy nhiên, nếu trong năm không tăng tội phạm và tệ nạn xã hội so với năm trước liền kề cần có điểm thưởng cho nội dung này để có sự khen thưởng rõ ràng. Đồng thời, một số địa phương có trường hợp người gây án từ nơi khác đến hoặc vụ việc xảy ra từ nơi khác, sau đó có rượt đuổi,…và xảy ra trọng án tại địa bàn cấp xã đánh giá vì những trường hợp này địa phương không thể biết để ngăn ngừa hoặc giáo dục đối tượng gây án.

- Nội dung 1, Chỉ tiêu 2, Tiêu chí 2 về đảm bảo diện tích làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: Một số trụ sở Ủy ban nhân dân phường do đặc thù nhỏ, hẹp nên chưa đảm bảo diện tích của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả 40 m2 và chưa dành được 50% diện tích làm nơi ngồi chờ cho cá nhân, tổ chức đến giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quyết định 09/2015/QĐ-TTg.

- Chỉ tiêu 6, Tiêu chí 3: "Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù trên địa bàn", một số đối tượng đặc thù như người khuyết tật, người dân tộc thiểu số rất ít tham dự các buổi phổ biến, giáo dục pháp luật. Nguyên nhân là do đi lại khó khăn hoặc mưu sinh nên không có thời gian để tham gia.

- Nội dung 3, Chỉ tiêu 7, Tiêu chí 3: "Khai thác, huy động hỗ trợ mạng lưới Câu lạc bộ tham gia phổ biến, cung cấp thông tin pháp luật cho người dân (Câu lạc bộ pháp luật; Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm; Câu lạc bộ nông dân, phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh hoặc Câu lạc bộ khác)", một số địa phương chưa có sự gắn kết chặt chẽ giữa chính quyền và các Câu lạc bộ trong hoạt động phổ biến pháp luật cho người dân, lực lượng nhân sự phụ trách còn thiếu, các mô hình hoạt động cũng thiếu sự đa dạng.

- Nội dung 2, Chỉ tiêu 7, Tiêu chí 3 về quản lý và khai thác tủ sách pháp luật: Trong điều kiện phát triển của công nghệ ngày nay, người dân khi có nhu cầu tra cứu văn bản pháp luật thường sử dụng internet, hoặc tìm thông tin qua sách, báo… Do vậy, việc khai thác tủ sách pháp luật không còn phù hợp và không mang lại hiệu quả cao. Bên cạnh đó, hiện nay đa số các phường chưa trang bị được máy tính riêng có nối mạng internet, hệ thống cơ sở dữ liệu pháp luật để người dân tra cứu, khai thác văn bản, tài liệu pháp luật khi đến liên hệ để giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Chỉ tiêu 3, Tiêu chí 4 về mức chi cho công tác hòa giải ở cơ sở: Tại Khoản 3 Điều 8 Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định một số mức chi cụ thể hoạt động hòa giải ở cơ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh quy định việc chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải: 100.000 đồng/tổ hòa giải/tháng, tuy nhiên, do tình hình điều kiện ngân sách của các xã, phường, thị trấn khác nhau, kinh phí phải cân đối cho các hoạt động của xã, phường, thị trấn nên việc chi theo quy định gặp không ít khó khăn.

3. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

- Khối lượng công việc chuyên môn của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp ngày càng nhiều, trong đó có công tác xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, nhưng biên chế không tăng, thường xuyên biến động ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện chung của công tác chuyên môn. Một số xã, phường, thị trấn có thay đổi về nhân sự, do mới nhận nhiệm vụ, chưa nắm vững quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật nên việc triển khai gặp nhiều khó khăn. Một số xã, phường, thị trấn chưa thực sự chú trọng và đầu tư tương xứng cho các điều kiện bảo đảm để người dân tiếp cận pháp luật tại cơ sở. Việc tổ chức triển khai các thiết chế pháp luật mang tính hình thức, chưa bám sát yêu cầu của người dân chưa thuận lợi để người dân tiếp cận.

- Việc khai thác tủ sách pháp luật theo báo cáo của một số địa phương chưa đạt hiệu quả. Theo đó, đa số đối tượng phục vụ chủ yếu của Tủ sách pháp luật là phục vụ cho việc nghiên cứu, tra cứu và đọc tại chỗ là cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, sinh viên, học sinh các trường học trên địa bàn quận; Riêng các đối tượng là người lao động, công nhân, thanh thiếu niên và người dân đang sinh hoạt, học tập, lao động trên địa bàn đến tìm hiểu, khai thác sử dụng còn rất hạn chế. Bên cạnh đó, hiện nay đa số các phường chưa trang bị được máy tính riêng có nối mạng internet, hệ thống cơ sở dữ liệu pháp luật để người dân tra cứu, khai thác văn bản, tài liệu pháp luật khi đến liên hệ để giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Một số xã, phường, thị trấn gặp khó khăn trong việc lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính của công dân (tối thiểu phải đạt từ 15%) số lượt người thực hiện thủ tục hành chính trong khi Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ Tư pháp. Như vậy, trong năm 2017, các xã, phường, thị trấn phải bố trí nhân sự và kinh phí để đảm bảo thực hiện nội dung này, đây là một khó khăn rất lớn do xã, phường, thị

trấn đều thiếu nhân sự và kinh phí còn hạn chế, nên thực hiện Phiếu lấy ý kiến như quy định là chưa khả thi.

- Hiện nay trên địa bàn Thành phố có lượng người từ các địa phương khác đến sinh sống, học tập và làm việc, địa điểm cư ngụ không ổn định và phải thường xuyên đi mưu sinh kiếm sống nên công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quận, huyện còn gặp nhiều khó khăn.

- Một số Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đang trong quá trình xây dựng trang Cổng thông tin nên chưa cập nhật và chưa đưa đầy đủ các thông tin hoạt động của cơ quan, cũng như các quy định về thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, một số phường phường cũng chưa gắn Wifi và máy vi tính dành riêng tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ để phục vục người dân trong việc khai thác miễn phí cơ sở dữ liệu pháp luật qua máy vi tính, việc khai thác tính năng của tủ sách pháp luật còn hạn chế, tham khảo ít người đọc. Trên thực tế người dân tự tra cứu các văn bản, tài liệu liên quan đến pháp luật thông qua hệ thống Internet, mạng truyền thông.

- Tình hình kinh tế - xã hội của từng xã, phường, thị trấn phát triển không đồng đều, trang thiết bị máy tính để phục vụ người dân khai thác, tra cứu thông tin còn hạn chế và thiếu cơ sở vật chất về văn hóa xã hội như: Nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng, trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đang trong quá trình xây dựng mới... Bên cạnh đó, các Chi hội đoàn thể ở khu phố đôi khi còn chưa mạnh, chưa thật sự đồng đều; một số hội viên ở cơ sở, hòa giải viên, tuyên truyền viên pháp luật chưa phát huy tốt vai trò của mình ở địa bàn dân cư trong công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật và thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

4. Giải pháp khắc phục, cải thiện điều kiện tiếp cận pháp luật của người dân trên địa bàn năm 2017

- Tăng cường quán triệt sâu rộng mục đích, yêu cầu, nội dung chỉ tiêu, tiêu chí của Quyết định số 619/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đến cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên và Nhân dân trên địa bàn. Qua đó, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, công chức có liên quan chịu trách nhiệm tham mưu Đảng ủy, Ủy ban nhân dân phường tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật với nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Có tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm đối với các chỉ tiêu, tiêu chí chưa đạt điểm số cao, xây dựng giải pháp thực hiện có hiệu quả, không phô trương, chạy đua, đánh giá không đúng với các tiêu chí đề ra. Việc đánh giá tiếp cận pháp luật của người dân ở cơ sở cần gắn với an ninh, chính trị, an toàn xã hội; tình hình vi phạm pháp luật và đời sống của người dân tại cơ sở. Chú trọng đến các văn bản, lĩnh vực có nội dung thiết thực, liên quan đến quyền, lợi ích của người dân như đất đai, hôn nhân gia đình, dân sự, bình đẳng giới và các quy ước cộng đồng tại khu dân cư.

- Tăng cường đổi mới nội dung, đa dạng hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến cơ sở tại khu phố, tổ dân phố, tập trung phổ biến các quy định pháp luật mới có hiệu lực liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân được tiếp cận các văn bản pháp luật, nhất là tập trung tuyên truyền phổ biến pháp luật cho các đối tượng đặc thù góp phần nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của người dân trên địa bàn, chú trọng hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù trên địa bàn.

- Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính nhằm nâng cao chất lượng các chỉ tiêu giải quyết vụ việc trên các lĩnh vực.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện tham mưu thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành; chỉ đạo giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn thuộc thẩm quyền và khả năng của quận, nhất là việc thực hiện chỉ tiêu trang bị máy tính phục vụ cho người dân khai thác dữ liệu pháp luật nhằm cải thiện, nâng cao điều kiện tiếp cận pháp luật của người dân trên địa bàn.

- Tăng cường chỉ đạo triển khai các biện pháp kiểm soát thủ tục hành chính, thường xuyên cập nhật và thực hiện việc niêm yết công khai bộ thủ tục hành chính, tập trung xây dựng quy trình giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp theo hướng nhanh, gọn, đúng quy định pháp luật;

- Tổ chức hướng dẫn thực hiện tốt phiếu đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức khi thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

- Tập trung kiện toàn, chuẩn hóa đội ngũ công chức chuyên môn, đảm bảo tiêu chuẩn, trình độ đáp ứng yêu cầu công tác, có đủ khả năng triển khai thực hiện các thiết chế pháp luật tại cơ sở, nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức nghề nghiệp của cán bộ công chức khi thực thi công vụ.

- Tăng cường triển khai xây dựng các quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực như: tư pháp; địa chính - đô thị; tài nguyên - môi trường; khiếu nại, tố cáo; văn hóa, giáo dục, y tế,…tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia giám sát, nhất là chỉ đạo thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên một số lĩnh vực quản lý đô thị, kinh tế, lao động, hộ tịch… nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ công chức giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo công khai, minh bạch đúng trình tự thủ tục và thời hạn đáp ứng yêu cầu của công dân. Thường xuyên rà soát hệ thống cơ sở dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật phần mềm, phần cứng và cơ sở vật chất tại đơn vị để có kế hoạch tự trang bị, nâng cấp hoặc kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố nâng cấp nhằm từng bước xây dựng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại.

- Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường tham gia giám sát, đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền. Tiếp tục phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp đẩy mạnh thực hiện quy

chế dân chủ ở cơ sở, nhất là thực hiện tốt các nội dung dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra tại cơ sở, phát huy vai trò giám sát, tham gia góp ý của người dân đối với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương...

- Xây dựng mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương và các đoàn thể, tăng cường nhân sự phụ trách các Câu lạc bộ đồng thời tạo nên sự đa dạng trong hoạt động của các Câu lạc bộ, thu hút sự chú ý của người dân như phát triển các mô hình Câu lạc bộ pháp luật kết hợp các buổi biểu diễn văn nghệ, sân chơi pháp luật, đố vui có thưởng…

- Tăng cường công tác tự kiểm tra, rà soát thủ tục hành chính để chủ động kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với các nhóm thủ tục hành chính thuộc phạm vi quận, phường giải quyết; định kỳ 6 tháng/lần thực hiện tự rà soát hệ thống cơ sở dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật phần mềm, phần cứng và cơ sở vật chất tại đơn vị để có kế hoạch tự trang bị, nâng cấp hoặc kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố nâng cấp nhằm từng bước xây dựng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức. Không để cán bộ, công chức phường bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ cảnh cáo trở lên do vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra.

- Định kỳ hàng năm tổ chức tổng kết kinh nghiệm thực tiễn và tăng cường đối thoại giữa lãnh đạo với doanh nghiệp và Nhân dân để lắng nghe ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, người dân, tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh; phát huy mọi nguồn lực trên địa bàn quận trong việc thực hiện các nhiệm vụ của công tác cải cách hành chính đáp ứng mục tiêu nâng cao chỉ số cải cách hành chính.

5. Một số sáng kiến trong quá trình triển khai Quyết định 619/QĐ-TTg

- Trên địa bàn quận 1, một số Ủy ban nhân dân phường xây dựng trang thông tin điện tử tại Ủy ban nhân dân phường để niêm yết và hướng dẫn các thủ tục hành chính, tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị của người dân trên trang thông tin điện tử, thiết lập đường dây nóng 24/24 tiếp nhận thông tin phản ánh, hiến kế xây dựng địa phương. Đối với việc tổ chức đánh giá sự hài lòng, các phường trên địa bàn quận 1 sử dụng các bảng điện tử để đánh giá sự hài lòng của người dân. Mẫu Phiếu đánh giá được xây dựng trên bảng điện tử đặt trước bàn của cán bộ tiếp công dân. Khi người dân đến liên hệ, chỉ cần chạm tay vào màn hình bảng điện tử để thực hiện việc đánh giá sự hài lòng đối với cán bộ đang thực hiện nhiệm vụ.

- Phường Linh Xuân, quận Thủ Đức thực hiện gửi tin nhắn cho người dân trên địa bàn những thông tin về chính sách, quy định pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc tiếp cận pháp luật dễ dàng hơn.

II. Kiến nghị, đề xuất

- Bộ Tư pháp tiếp tục tham mưu cho Trung ương có văn bản quán triệt, chỉ đạo của Đảng về công tác thực hiện chuẩn tiếp cận của người dân tại cơ sở nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, Đảng viên, các cơ quan, tổ chức trong trong hệ thống chính trị; xem xét, sửa đổi và hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác đánh giá khả năng đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở, đảm bảo sự phù hợp, khách quan, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương theo hướng hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật dễ làm, dễ thực hiện, không tạo gánh nặng, áp lực cho chính quyền địa phương; tổ chức các hội nghị tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ, qui trình đánh giá đạt chuẩn và tiêu biểu về tiếp cận pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện; kịp thời hướng dẫn các địa phương về việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu còn vướng mắc, khó khăn; kịp thời sửa đổi, bổ sung các chỉ tiêu, tiêu chí không phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở một số địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục tập huấn, hướng dẫn thực hiện Quyết định số 619/QĐ-TTg và các văn bản có liên quan; tập huấn, nâng cao năng lực cho các cơ quan, đơn vị và đội ngũ cán bộ, công chức của sở, ngành, quận, huyện, xã, phường, thị trấn được giao theo dõi, triển khai xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, công chức, đảng viên, các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc triển khai công tác đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật ở cơ sở. Phát huy trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan nhà nước trong việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác triển khai, phối hợp triển khai giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan; lấy hiệu quả của công tác thực hiện chuẩn tiếp cận của người dân tại cơ sở làm tiêu chí đánh giá năng lực, kết quả công tác.

- Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến về công tác đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Kiện toàn nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện chuẩn tiếp cận của người dân tại cơ sở.

- Đưa việc thực hiện công tác chuẩn tiếp cận pháp luật vào tiêu chí thi đua để đánh giá ngành, địa phương; ban hành chế độ khen thưởng, xử lý kỷ luật cụ thể nhằm động viên, khuyến khích các địa phương và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công tác chuẩn tiếp cận pháp luật.

Phần IV
KẾ HỌACH TRIỂN KHAI QUY ĐỊNH XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2018 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI NĂM 2019

I. Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố

Để thực hiện có hiệu quả Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ban hành kèm theo Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 07/2017/TT-BTP quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới đặc thù vùng nông thôn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 – 2020; căn cứ các Công văn số 805/BTP-PBGDPL ngày 14/3/2018 về thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã, phường thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018, Công văn số 2788/BTP-PBGDPL ngày 30/7/2018 về của Bộ Tư pháp và Công văn số 13858/PC-VP ngày 27/3/2018 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tư pháp đã ban hành Công văn số **7653**/STP-PBGDPL ngày 14/8/2018 về thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã, phường thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018.

II. Nội dung và tiến độ triển khai

1. Nhiệm vụ chung:

Tiếp tục quán triệt, tăng cường thông tin, truyền thông, phổ biến sâu rộng đến các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức và Nhân dân về vị trí, vai trò, nội dung của xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; nâng cao nhận thức, xác định rõ trách nhiệm của các sở, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã,

phường, thị trấn trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo thống nhất, đồng bộ, đúng quy định, góp phần bảo đảm thực hiện quyền được thông tin về pháp luật của công dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật gắn với phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương.

2. Nhiệm vụ cụ thể:

2.1. Đề nghị Ban Tuyên giáo Thành ủy, Ban Dân vận Thành ủy, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Sở Nội vụ, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Thanh tra Thành phố, Công an Thành phố phối hợp với Sở Tư pháp và chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện tốt công tác đánh giá xã, phường, thị trấn tiếp cận pháp luật năm 2018.

2.2. Phòng Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân quận, huyện chỉ đạo Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật quận, huyện thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tiếp tục chỉ đạo hướng dẫn việc đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; thường xuyên tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, quy trình đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cho cán bộ, công chức được giao theo dõi, tham mưu nhiệm vụ; phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng cơ quan, đơn vị, công chức theo dõi, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật phù hợp với lĩnh vực được giao quản lý. Phát huy vai trò, trách nhiệm của cơ quan thường trực Hội đồng đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện và từng thành viên Hội đồng trong rà soát, thẩm định kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã; đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực để khắc phục hạn chế, khó khăn; tăng cường công tác quản lý cán bộ, công chức cấp xã không để xảy ra vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra, phấn đấu đạt kết quả năm sau cao hơn năm trước;

b) Bảo đảm việc đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đúng quy định và tiến độ của Quyết định số 619/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 07/2017/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; chú trọng gắn các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật với trách nhiệm quản lý của các cơ quan, đơn vị nhất là trong bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật, giải quyết các thủ tục hành chính; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở và thực hiện dân chủ ở cơ sở. Củng cố, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật và hoạt động của câu lạc bộ pháp luật, góp phần thực hiện tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại cơ sở;

c) Thực hiện đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đối với tất cả các đơn vị cấp xã, không chỉ tập trung đánh giá các xã đăng ký xây dựng nông thôn mới; quan tâm chỉ đạo việc lựa chọn, ưu tiên bố trí kinh phí cải thiện điều kiện tiếp cận pháp luật và nguồn lực xây dựng, thực hiện mô hình điểm về cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, góp phần vào kết quả thực hiện phong trào thi đua "Ngành Tư pháp chung sức góp phần xây dựng nông thôn mới" theo Quyết định số 2288/QĐ-BTP ngày 31/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và

phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới", từ đó đánh giá, rút kinh nghiệm, hướng dẫn nhân rộng phù hợp với thực tiễn;

d) Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, chỉ đạo việc lựa chọn từ 01 đến 02 đơn vị trên địa bàn quận, huyện thực hiện mô hình điểm 03 năm (năm 2018 đến năm 2020) về cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, gắn với công tác xây dựng nông thôn mới và đô thi văn minh, trong đó ưu tiên lựa chọn những địa bàn nóng về tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật, khiếu nại, khiếu kiện, tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính thấp hoặc bị dư luận phản ánh... có ảnh hưởng đến các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật, hoặc các xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2017, đã đạt chuẩn nhưng kết quả đạt chưa cao, từ đó đánh giá, rút kinh nghiệm, hướng dẫn nhân rộng phù hợp với thực tiễn trong năm 2019 và các năm tiếp theo;

đ) Chú trọng hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra để việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018 được thực hiện đúng quy định, thực chất, phát huy đầy đủ ý nghĩa, vai trò và đạt mục đích đề ra nhất là trong xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh; kịp thời rút kinh nghiệm, chấn chỉnh đối với xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện nhiệm vụ chưa nghiêm túc, còn hình thức, chưa đảm bảo việc triển khai thực hiện theo quy định. Sau khi đánh giá, đề xuất và thực hiện các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật, bảo đảm xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bền vững, trong đó chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chỉ đạo điểm về mô hình tiếp cận pháp luật tại cơ sở; thực hiện việc niêm yết, công bố kết quả cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2017 theo Quyết định số 619/QĐ-TTg; tăng cường khả năng tiếp cận thông tin về pháp luật cho người dân tại cơ sở gắn với thực hiện Luật Tiếp cận thông tin có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018;

e) Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất cho việc quản lý và thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật; có giải pháp thu hút các nguồn lực xã hội trong thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

g) Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Tư pháp liên quan đến xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tư pháp theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

3. Tiến độ thực hiện:

- Báo cáo nhanh về tình hình thực hiện công tác đánh giá địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và danh sách 01 đến 02 đơn vị trên địa bàn quận, huyện thực hiện mô hình điểm 03 năm gửi về Sở Tư pháp (**trước 31/8/2018**).

- Thông báo lịch dự kiến tổ chức đánh giá tiếp cận pháp luật năm 2018 của địa phương gửi về Sở Tư pháp (**trước ngày 05/12/2018**) để Sở Tư pháp và các sở, ngành, đoàn thể liên quan bố trí cùng tham dự.

- Tập hợp các khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị các giải pháp cải thiện, khắc phục (nếu có) trong quá trình thực hiện công tác đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật gửi Sở Tư pháp để tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ, trao đổi khó

khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật (dự kiến tổ chức trước 20/12/2018).

- Sau đánh giá, đề nghị Ủy ban nhân dân quận, huyện gửi 01 bộ hồ sơ đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của địa phương về Sở Tư pháp (**trước ngày 25/01/2018**) bao gồm: Biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật; Danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Báo cáo kết quả công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và các giải pháp đối với cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn (đính kèm 01 bộ hồ sơ đánh giá của Ủy ban nhân dân xa, phường, thị trấn trên địa bàn quận, huyện: Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp xã; Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm; Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân; công văn đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật).

Đề nghị Sở, ngành, đoàn thể Thành phố có liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện quan tâm chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018, báo cáo kết quả thực hiện chung trong Báo cáo kết quả công tác PBGDPL và gửi về Sở Tư pháp (trước ngày 02/12/2018).

4. Phương hướng năm 2019

- Đảm bảo tiến độ đánh giá địa phương đạt chuẩn tiếp cận năm 2018.

- Ban hành Kế hoạch triển khai năm 2019, lưu ý việc lựa chọn 01 đến 02 đơn vị trên địa bàn quận, huyện thực hiện mô hình điểm 03 năm (năm 2018 đến năm 2020) về cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, gắn với công tác xây dựng nông thôn mới và đô thi văn minh, trong đó ưu tiên lựa chọn những địa bàn nóng về tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật, khiếu nại, khiếu kiện, tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính thấp hoặc bị dư luận phản ánh... có ảnh hưởng đến các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật, hoặc các xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018, đã đạt chuẩn nhưng kết quả đạt chưa cao, từ đó đánh giá, rút kinh nghiệm, hướng dẫn nhân rộng phù hợp với thực tiễn trong năm 2019 và các năm tiếp theo;

- Tiếp tục quán triệt, tăng cường thông tin, truyền thông, phổ biến sâu rộng đến các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức và Nhân dân về vị trí, vai trò, nội dung của xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; nâng cao nhận thức, xác định rõ trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo thống nhất, đồng bộ, đúng quy định, góp phần bảo đảm thực hiện quyền được thông tin về pháp luật của công dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật gắn với phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương.

- Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn việc đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực để khắc phục hạn chế, khó khăn; phấn đấu đạt kết quả cao hơn. Chú trọng gắn các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật với trách nhiệm quản lý của các cơ quan, đơn vị nhất là trong bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật, giải quyết các thủ tục hành chính; phổ

biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở và thực hiện dân chủ ở cơ sở, có giải pháp phù hợp nhằm củng cố, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật và hoạt động của câu lạc bộ pháp luật, góp phần thực hiện tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại cơ sở.

- Chú trọng hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đảm bảo thực hiện đúng quy định, thực chất, phát huy đầy đủ ý nghĩa, vai trò và đạt mục đích đề ra nhất là trong xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh; kịp thời rút kinh nghiệm, chấn chỉnh đối với địa phương tổ chức thực hiện nhiệm vụ chưa nghiêm túc, còn hình thức hoặc chưa đảm bảo trình tự hồ sơ đánh giá tiếp cận pháp luật theo quy định. Thường xuyên quan tâm tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức được giao theo dõi, tham mưu nhiệm vụ này; bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, nhất là kinh phí cho hoạt động quản lý và thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật; có giải pháp thu hút các nguồn lực xã hội trong thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, tiếp tục chỉ đạo việc lựa chọn thực hiện mô hình điểm về cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, gắn với công tác xây dựng nông thôn mới và đô thi văn minh, trong đó lựa chọn những địa bàn nóng về tệ nạn xã hội, khiếu nại, khiếu kiện, kết quả thực hiện cải cách hành chính...có ảnh hưởng đến các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật, hoặc các xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018, từ đó đánh giá, rút kinh nghiệm, hướng dẫn nhân rộng phù hợp với thực tiễn.

- Đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định hiện hành.